



TRUNG AN®

2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

“

*Trung An
Cánh chim đầu đàn
và sứ mệnh phát triển
bền vững*

”



www.trunganrice.com



649A, Quốc Lộ 91, KV Qui Thạnh 1,
Phường Thuận Hưng, TP Cần Thơ

01 THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Kế hoạch phát triển trong tương lai
4. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2025

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán



Chương 1: Tổng quan về ngành nghề



1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro

: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN

: Trung An Hi-Tech Farming Joint Stock Company

: 1800241736 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư
Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 16/08/1996, đăng ký thay
đổi lần thứ 26 ngày 12/08/2025 do sở Tài chính Thành phố Cần thơ cấp.

: 783.197.770.000 đồng

: 783.197.770.000 đồng

: 649A, Quốc lộ 91, Khu vực Qui Thạnh, Phường Trung Kiên, Quận Thốt
Nốt, Thành phố Cần Thơ

: 02923 857 336

: sales@trunganrice.com

: www.trunganrice.com

: TAR



Công ty cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An, tiền thân là Công ty TNHH Trung An, được thành lập ngày 16/08/1996 tại Ấp Thạnh Phước 1 - Xã Trung An - Thốt Nốt - Cần Thơ với số vốn ban đầu là 600.000.000 đồng. Thời gian đầu, Công ty chủ yếu thu gom gạo sau đó phân phối cho các đối tác nội địa. Khách hàng lớn thời điểm này của Trung An là các Tổng Công ty Lương thực.

Trung An được cấp giấy phép xuất khẩu gạo và bắt đầu xuất gạo sang các đối tác nước ngoài. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã trải qua 16 năm hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu gạo.

2005

Đánh dấu giai đoạn doanh nghiệp tư nhân được xuất khẩu gạo trực tiếp, Trung An đã mở rộng thị trường và nhanh chóng trở thành đơn vị xuất khẩu gạo lớn của Đồng Bằng Sông Cửu Long. Từ năm 2005 đến năm 2015, Công ty TNHH Trung An đã đóng góp vào kim ngạch xuất khẩu của Thành phố Cần Thơ trên 300 triệu USD. Cùng với thành quả đó, Hiệp hội Lương thực Việt Nam đã trao tặng "Giấy chứng nhận Hội viên Hiệp hội Lương thực Việt Nam".

Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hậu Giang đã trao tặng "Cúp vàng Doanh nghiệp Kinh doanh Xuất khẩu Uy tín" cho Công ty TNHH Trung An.

Mô hình cánh đồng mẫu lớn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn được phát động, Công ty TNHH Trung An là đơn vị đi đầu thực hiện cánh đồng mẫu lớn và đầu tư vào phát triển nông nghiệp nông thôn theo sự kêu gọi của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Bộ ngành. Với những thành công trong năm, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ đã trao tặng danh hiệu "Doanh nghiệp đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động xuất khẩu". Ngoài ra, Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam đã trao tặng "Chứng nhận Công ty đạt Danh hiệu Việt Nam Vàng".

Trung An tiếp tục vượt qua khó khăn của khủng hoảng kinh tế, giữ vững tiến độ và năng suất lao động, không ngừng học hỏi và lắp đặt các trang thiết bị tiên tiến. Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng đã trao tặng "Cúp vàng doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu uy tín".

Công ty được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) trao tặng "Doanh nhân tiêu biểu khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long".

Công ty được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) trao tặng bằng khen "Doanh nghiệp có sản phẩm tiêu biểu khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long".

Trung An đã từng bước khẳng định vị thế và xây dựng thương hiệu gạo uy tín trên thị trường trong nước và xuất khẩu. Năm 2015 đánh dấu bước phát triển quan trọng khi Công ty ký kết hợp tác chiến lược với VinMart và VinEco, đồng thời mở rộng mạng lưới đối tác lớn trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và phân phối lương thực. Sản phẩm của Trung An đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế như GlobalGAP, ISO 22000, HACCP và được xuất khẩu sang nhiều thị trường với các đối tác uy tín. Ghi nhận những đóng góp tích cực cho nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, Công ty đã được Thủ tướng Chính phủ và Bộ NN&PTNT trao tặng nhiều bằng khen trong năm 2015.

Cùng với đó, Trung An không ngừng đầu tư mở rộng vùng nguyên liệu, nâng cấp cơ sở hạ tầng và hệ thống nhà máy tại các vị trí thuận lợi cho vận chuyển và xuất khẩu. Năm 2015, Công ty chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần với vốn điều lệ 200 tỷ đồng.

Công ty thực hiện tăng vốn từ 200 tỷ đồng lên 350 tỷ đồng bằng hình thức góp vốn bằng tiền cho cổ đông hiện hữu. Công ty hoạt động theo giấy Đăng ký Kinh doanh số 1800241736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 16 tháng 08 năm 1996, thay đổi lần thứ 19 ngày 23 tháng 11 năm 2017 với vốn điều lệ là 350.000.000.000 đồng.

Công ty triển khai chào bán cổ phiếu bằng hình thức phát hành riêng lẻ 25.000.000 cổ phần để tăng vốn điều lệ.

Đến 31/12/2021, Công ty đang hoạt động theo giấy Đăng ký Kinh doanh số 1800241736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 16 tháng 08 năm 1996 và thay đổi lần thứ 21 ngày 23 tháng 08 năm 2021 với vốn điều lệ 461.999.330.000 đồng.

Công ty thực hiện tăng vốn từ 350.000.000.000 đồng lên 419.999.770.000 đồng bằng hình thức chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 5:1.

Công ty đang hoạt động theo giấy Đăng ký Kinh doanh số 1800241736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 16 tháng 08 năm 1996 và thay đổi lần thứ 20 ngày 10 tháng 11 năm 2020 với vốn điều lệ 419.999.770.000 đồng.

Công ty thực hiện tăng vốn từ 461.999.330.000 đồng lên 783.197.770.000 đồng bằng hình thức phát hành riêng lẻ 25.000.000 cổ phần và chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:1.

Đến 31/12/2022, Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký số 1800241736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 16 tháng 08 năm 1996 và thay đổi lần thứ 24 ngày 07 tháng 12 năm 2022 với vốn điều lệ 783.197.770.000 đồng.

Sau hơn 25 năm hình thành và phát triển, với sự nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ, công nhân viên cùng sự chỉ đạo chiến lược của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Công ty từng bước mở rộng vùng nguyên liệu tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long thông qua mô hình liên kết sản xuất với nông dân, đồng thời cung ứng giống, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, kết hợp với các nhà khoa học nhằm hỗ trợ kỹ thuật canh tác hiện đại. Các giải pháp này giúp nhà nông tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế và tạo ra các sản phẩm nông nghiệp xanh, sạch, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Hiện nay, Trung An sở hữu bốn nhà máy xay xát và chế biến gạo được đầu tư máy móc, trang thiết bị hiện đại, tọa lạc tại các vị trí thuận lợi trên địa bàn thành phố Cần Thơ, phục vụ hiệu quả cho hoạt động chế biến và xuất khẩu.

Trong năm 2025, Trung An tập trung đẩy mạnh mở rộng quy mô sản xuất theo hướng bền vững, đồng thời triển khai tái cấu trúc tài chính nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. Công ty xúc tiến phát triển các vùng nguyên liệu lúa chất lượng cao tại Phú Yên (15.000 ha), Kiên Giang (50.000 ha) và hoàn thiện hồ sơ pháp lý cho dự án nhà máy điện rác tại Sóc Trăng, qua đó vừa chủ động nguồn cung nguyên liệu vừa mở rộng sang lĩnh vực năng lượng xanh. Song song, Trung An thực hiện cơ cấu lại nguồn vốn vay, thu gọn số lượng ngân hàng đối tác từ 7 xuống còn 2, giúp tối ưu chi phí tài chính và tăng cường hiệu quả quản trị dòng tiền. Những bước đi này thể hiện rõ định hướng tăng trưởng bền vững, gắn kết giữa mở rộng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và củng cố nền tảng tài chính của doanh nghiệp.



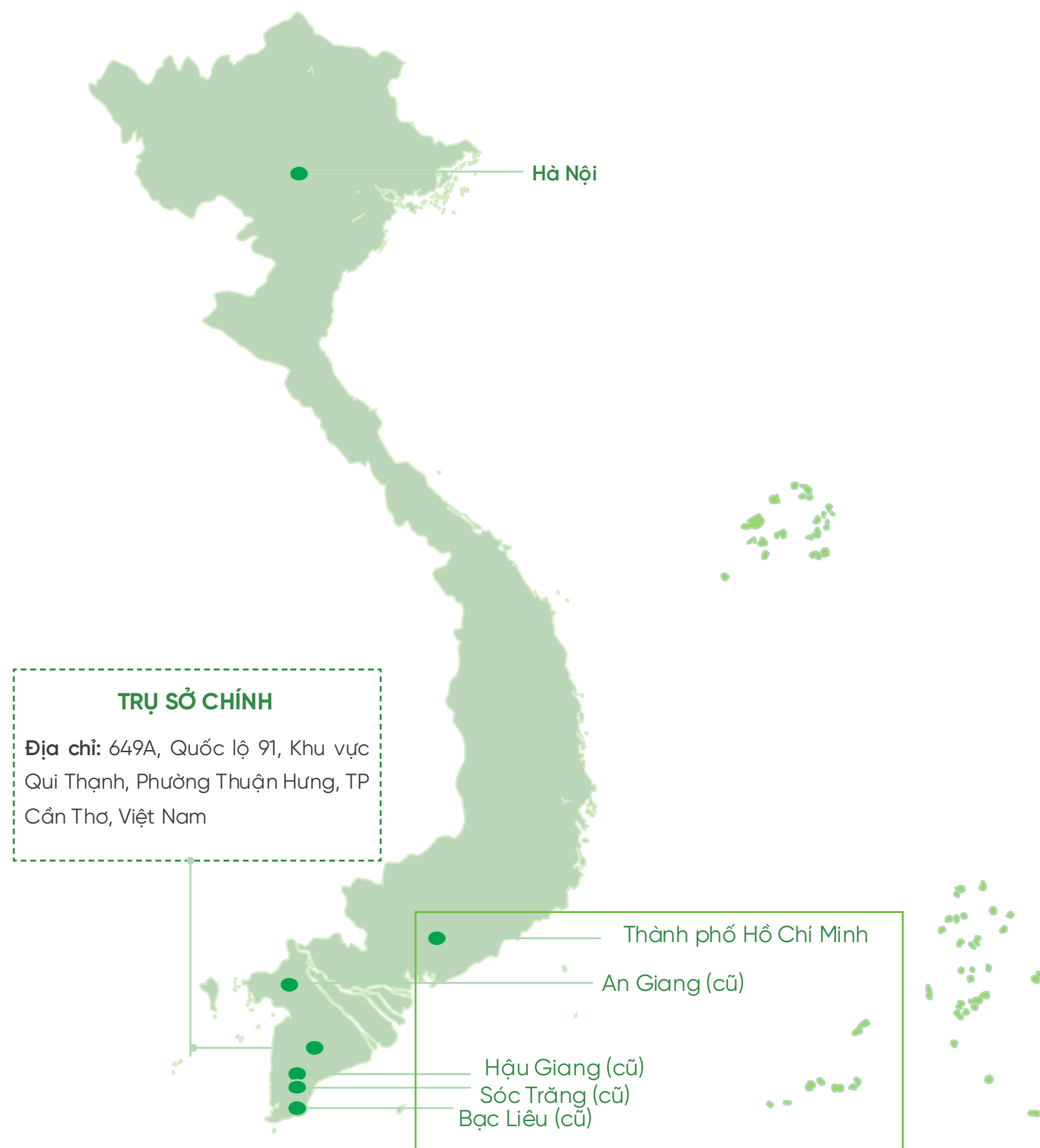
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là **gia công xay xát, chế biến gạo xuất khẩu**. Các sản phẩm của Công ty chủ yếu gồm:

Mã ngành	Tên ngành
0111	Trồng lúa
0210	Trồng rừng và chăm sóc rừng
0710	Khai thác quặng sắt
1061	Xay xát và sản xuất bột thô
(Chính)	
1080	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
3511	Sản xuất điện
3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3700	Thoát nước và xử lý nước thải
3811	Thu gom rác thải không độc hại
3812	Thu gom rác thải độc hại
3821	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại
3822	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại
3830	Tái chế phế liệu
3900	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
4101	Xây dựng nhà để ở
4102	Xây dựng nhà không để ở
4211	Xây dựng công trình đường sắt
4212	Xây dựng công trình đường bộ
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
4312	Chuẩn bị mặt bằng
4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
4631	Bán buôn gạo
4632	Bán buôn thực phẩm
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu
5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê



ĐỊA BÀN KINH DOANH

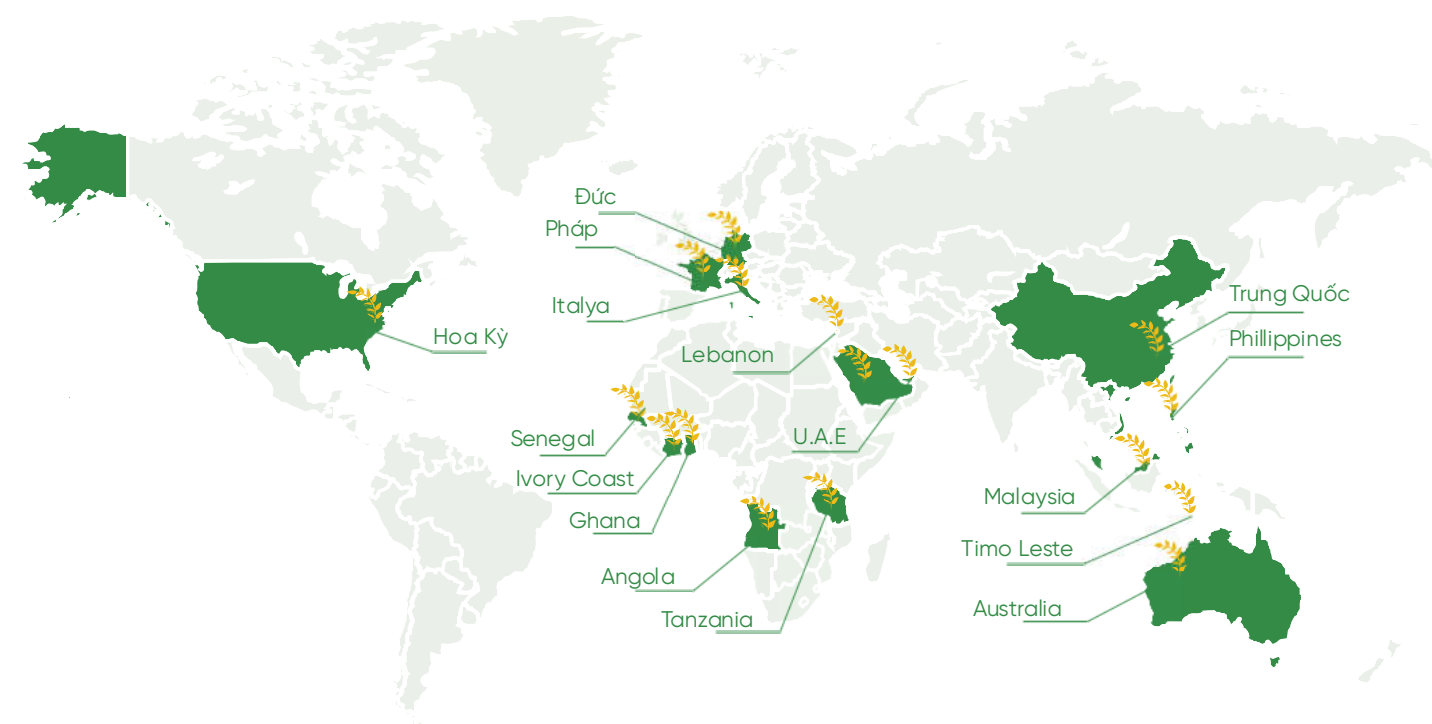


MẠNG LƯỚI PHÂN PHỐI

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ Cao Trung An tiếp tục khẳng định vị thế doanh nghiệp tiên phong trong chuỗi giá trị sản xuất và phân phối gạo chất lượng cao tại Việt Nam. Thông qua chiến lược phát triển sản phẩm nhất quán, kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt và định vị thương hiệu rõ ràng, gạo Trung An ngày càng củng cố được uy tín trên thị trường, đáp ứng tốt các tiêu chuẩn ngày càng cao của người tiêu dùng và đối tác trong nước cũng như quốc tế.

Trong lĩnh vực phân phối nội địa, Công ty đẩy mạnh mở rộng hệ thống bán lẻ mang thương hiệu Trung An, từng bước gia tăng độ phủ và khả năng tiếp cận trực tiếp người tiêu dùng. Bên cạnh thị trường trọng điểm Cần Thơ, hệ thống phân phối đã được mở rộng sang các **tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long như An Giang (cũ), Hậu Giang (cũ), Sóc Trăng (cũ), Bạc Liêu (cũ)**, đồng thời hiện diện tại các đô thị lớn gồm Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, góp phần nâng cao nhận diện thương hiệu trên phạm vi toàn quốc.

Song song với thị trường nội địa, Trung An tiếp tục xác định xuất khẩu là động lực tăng trưởng dài hạn. Đến nay, sản phẩm gạo của Công ty đã được **xuất khẩu sang 19 quốc gia**, trải rộng tại nhiều **khu vực như châu Âu, châu Á, châu Phi và châu Úc**. Danh mục khách hàng quốc tế của Trung An bao gồm nhiều đối tác có uy tín, yêu cầu cao về tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm và tính ổn định trong hợp tác dài hạn, tiêu biểu như: ALWAYS FRESH TRADING CO PTY LTD, BUSTHAN AL KHALEEJ TRD., GLOBAL RISE TRADING PTE. LTD, HANKS CO., LTD, MIVI FOODS, MICHAEL KIM TRADING, MARESO PTE. LTD, MURASE CO., LTD., PADIBERAS NASIONAL BERHAD (BERNAS), RESFOOD FZCO, RAMZI TRADING EST., LLC, SHARIFA KENAR SADGI GENERAL TRADING L.L.C, SUREWAVE INTERNATIONAL GROUP (HONG KONG) CO., LTD, SUNTINCEN LIMITED, UNICONCEPT TRADING FZ-LLC, VILACONIC AUSTRALIA PYT LTD., VOX TRADING (AUSTRALIA) PTY LTD, WEMART ARABIA TRADING L.L.C, WORLD FOODS, INC, WILFRED GLOBAL PTE LTD.





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Mô hình quản trị của **Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công Nghệ Cao Trung An** được thiết kế theo mô hình tổ chức và quản lý tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 bao gồm:

- » Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề được Pháp luật và Điều lệ công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông thông qua các báo cáo tài chính năm, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, kế hoạch kinh doanh cho năm tiếp theo và có quyền bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty.
- » Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý của Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- » Ban kiểm soát: là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, có nhiệm vụ kiểm soát chặt mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- » Ban Tổng giám đốc: Ban Điều hành bao gồm Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, trực tiếp điều hành và quản lý tài chính hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Đẻo thơm - an toàn - tròn vị, đủ chất



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty theo sơ đồ dưới đây:





CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty con

Địa chỉ: Tổ 9, ấp Đường Théc, Xã Bình Giang, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Hoạt động giấy theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1702050412 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Kiên Giang cấp lần đầu ngày 07/06/2016

Vốn điều lệ thực góp: 208.460.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ sở hữu 67,14% VDL

(*) Ngày 17/03/2026, Hội đồng quản trị Trung An đã phê duyệt chủ trương thoái toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Trung An Kiên Giang. Hiện, việc thoái vốn đang được triển khai thực hiện theo kế hoạch và dự kiến hoàn tất trong năm 2026.

Hoạt động kinh doanh chính: Trồng trọt, kinh doanh lương thực, xay gia công, chế biến gạo xuất khẩu



Công ty liên kết

Địa chỉ: 647A QL91, KV Qui Thạnh 1, Phường Thuận Hưng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Hoạt động giấy theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 571022000022 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 07/08/2009.

Vốn điều lệ thực góp: 4.865.679.000 đồng, tương đương tỷ lệ sở hữu 39% VDL

Hoạt động kinh doanh chính: Trồng trọt, kinh doanh lương thực, xay gia công, chế biến gạo xuất khẩu

Tuy nhiên, Công ty liên doanh mới đang ở giai đoạn các thành viên đầu tư góp vốn, trong thời điểm đầu tư góp vốn theo Hợp đồng liên doanh và Giấy chứng nhận đầu tư phía đối tác nước ngoài (Germany) đã không hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký, vi phạm hợp đồng liên doanh... Phía Việt Nam đã khởi kiện phía Đức ra Tòa. Ngày 09/3/2021 Tòa án Nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên án: Hủy hợp đồng liên doanh giữa phía Việt Nam là 02 Công ty Trung An + Hưng Yên với phía Germany là 02 Công ty POMA về việc thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất chế biến kinh doanh xuất khẩu gạo Việt Đức (VIGERICE) đồng thời chấm dứt hoạt động đầu tư của dự án nêu trên. Trước đó 02 thành viên Phía Việt Nam (Công ty Trung An và Công ty Lương thực Hưng Yên) đã được Công ty VIGERICE chuyển hoàn lại đủ tiền góp vốn ban đầu. Do vậy từ năm 2025 Công ty liên doanh VIGERICE chính thức không còn tồn tại.

Công ty liên kết

Địa chỉ: 648A, Quốc lộ 91, Phường Thuận Hưng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Hoạt động giấy theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 571022000040 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 16/07/2012.

Vốn điều lệ thực góp: 9.352.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ sở hữu 40% VDL

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất ván ép cao cấp từ nguyên liệu trấu.

Tuy nhiên, Công ty liên doanh Novotech – Trung Hưng cũng mới đang ở giai đoạn các thành viên đầu tư góp vốn, trong thời điểm đầu tư góp vốn theo Hợp đồng liên doanh và Giấy chứng nhận đầu tư phía đối tác nước ngoài (Germany) đã không hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký, vi phạm hợp đồng liên doanh... Phía Việt Nam đã khởi kiện phía Đức ra Tòa. Phía Đức đã yêu cầu phía Việt Nam không khởi kiện phía Đức ra Tòa phía Đức sẽ từ bồi thường cho phía Việt Nam 3.560.000 USD và xin được chấm dứt hợp đồng liên doanh, phía Việt Nam đã đồng ý. Hai bên đang làm các thủ tục để yêu cầu Sở KH và ĐT TP.Cần Thơ chấm dứt hợp đồng liên doanh. Trước đó 02 thành viên Phía Việt Nam (Công ty Trung An và Công ty Lương thực Hưng Yên) đã được Công ty TNHH Novotech – Trung Hưng chuyển hoàn lại đủ tiền góp vốn ban đầu. Do vậy từ năm 2025 Công ty TNHH Novotech – Trung Hưng chính thức không còn tồn tại.



CÁC MỤC TIÊU CHUNG

Trung An hướng tới sự phát triển bền vững thông qua việc cân bằng giữa tăng trưởng kinh doanh và an toàn tài chính. Về hoạt động cốt lõi, chúng tôi tiếp tục phát huy thế mạnh hơn 25 năm trong lĩnh vực chế biến, xuất khẩu gạo, duy trì các tiêu chuẩn GlobalGAP và Organic để cung cấp sản phẩm chất lượng cao ra thị trường.

Song song đó, Công ty chủ động cơ cấu lại nguồn vốn theo hướng ưu tiên tín dụng dài hạn và tích cực tham gia các chương trình hỗ trợ của Chính phủ nhằm giảm áp lực lãi vay. Việc củng cố sức khỏe tài chính cùng với hoạt động kinh doanh hiệu quả là nền tảng để Trung An thực hiện đồng bộ các mục tiêu: tối đa hóa lợi nhuận cho Cổ đông, đảm bảo thu nhập cho người lao động và hoàn thành tốt nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN



Mở rộng thị trường

Về chiến lược phát triển thị trường, Trung An đặt mục tiêu phủ rộng sự hiện diện tại cả nội địa và quốc tế với dòng sản phẩm chủ lực là gạo sạch, gạo hữu cơ đạt chuẩn GlobalGAP và Organic. Tại thị trường trong nước, Công ty tập trung tối ưu hóa chuỗi giá trị thông qua việc cung cấp nguồn nguyên liệu chất lượng cao, ổn định cho các doanh nghiệp chế biến thực phẩm lớn và doanh nghiệp thương mại. Đây là nền tảng vững chắc để Trung An phát triển các dòng sản phẩm giá trị gia tăng. Song song đó, để nâng cao vị thế thương hiệu, chúng tôi tiếp tục phát triển mạng lưới phân phối tại hệ thống cửa hàng tiện lợi và các điểm bán gạo hữu cơ

cao cấp tại hai thị trường trọng điểm là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, góp phần thúc đẩy xu hướng tiêu dùng xanh và an toàn. Trên thị trường quốc tế, Trung An đẩy mạnh hợp tác với các nhà phân phối lớn để đưa thương hiệu gạo Việt thâm nhập sâu vào các chuỗi siêu thị uy tín tại những thị trường khó tính như Đức, Úc, Mỹ, Ả Rập Saudi, Dubai và Malaysia. Chiến lược tập trung vào các đối tác phân phối quy mô lớn thay vì phân tán nguồn lực giúp Công ty đảm bảo đầu ra ổn định và khẳng định vị thế gạo sạch Trung An trên bản đồ lương thực thế giới.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN



Kiểm soát vùng nguyên liệu

Để đảm bảo sự ổn định về lưu lượng và chất lượng hàng hóa, Trung An tiếp tục mở rộng và củng cố vùng nguyên liệu thông qua mô hình hợp tác chặt chẽ với nông dân và các tổ chức nông nghiệp địa phương. Chúng tôi thực hiện hỗ trợ toàn diện từ vật tư đầu vào đến kỹ thuật canh tác, đảm bảo tuân thủ tuyệt đối quy trình sản xuất Organic/GlobalGAP. Bên cạnh yếu tố kỹ thuật, Công ty chú trọng xây dựng mối quan hệ đối tác bền vững với người nông dân thông qua chính sách giá thu mua minh bạch và cạnh tranh. Việc thiết lập các cam kết bao tiêu với mức giá hợp lý không chỉ tạo động lực cho nông dân sản xuất nông sản chất lượng cao mà còn giúp Trung An chủ động được nguồn hàng trước những biến động của thị trường.



Mở rộng các ngành nghề liên quan

Nhằm gia tăng giá trị cho chuỗi ngành hàng lương thực cốt lõi, Trung An định hướng mở rộng hệ sinh thái kinh doanh sang các lĩnh vực bổ trợ tiềm năng. Ở mảng Du lịch Nông nghiệp, Công ty khai thác lợi thế vùng canh tác hữu cơ để phát triển mô hình du lịch sinh thái trải nghiệm, vừa tạo thêm doanh thu dịch vụ, vừa góp phần bảo

tồn hệ sinh thái và quảng bá thương hiệu gạo sạch. Đồng thời, trong lĩnh vực Năng lượng tái tạo, Trung An đang thúc đẩy hợp tác triển khai dự án xử lý rác thải kết hợp phát điện, hướng tới mô hình kinh tế tuần hoàn, tối ưu chi phí năng lượng và tạo nguồn thu ổn định dài hạn.

CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG



Với nông dân

Đối với Nông dân, Trung An tiếp tục củng cố mô hình liên kết hợp tác bền vững, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò cung ứng trọn gói từ vật tư đầu vào (giống, phân bón...) đến chuyển giao kỹ thuật canh tác tiên tiến thông qua đội ngũ chuyên gia. Cách tiếp cận này mang lại 'lợi ích kép': vừa giúp tối ưu hóa chi phí giá thành, gia

tăng hiệu quả kinh tế trên từng đơn vị canh tác, vừa giải quyết triệt để bài toán đầu ra thông qua chính sách bao tiêu sản phẩm. Nhờ đó, người nông dân được giảm thiểu đáng kể áp lực về vốn đầu tư và rủi ro thị trường, yên tâm tập trung vào nhiệm vụ sản xuất nông sản chất lượng cao.



Với cộng đồng

Đối với cộng đồng, Trung An đề cao trách nhiệm xã hội thông qua các hành động thiết thực gắn liền với bảo vệ môi trường và an sinh địa phương. Điểm nhấn trong chiến lược này là công tác quản lý rác thải nông nghiệp. Công ty chủ động triển khai quy trình thu gom và vận chuyển các bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật đến các đơn vị xử lý chất thải nguy hại chuyên biệt, góp phần giữ gìn môi trường xanh sạch cho

vùng nông thôn. Bên cạnh đó, Trung An luôn sát cánh cùng chính quyền địa phương trong công cuộc xây dựng Nông thôn mới. Chúng tôi đóng góp nguồn lực tài chính để hoàn thiện hạ tầng giao thông, không chỉ giúp thuận tiện cho việc vận chuyển nông sản mà còn góp phần thay đổi diện mạo nông thôn và nâng cao chất lượng sống cho người dân.





RỦI RO VỀ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Khép lại năm tài chính 2025, nền kinh tế Việt Nam đã khẳng định sự phục hồi mạnh mẽ và ấn tượng. Đà tăng trưởng được duy trì xuyên suốt cả năm với mức tăng GDP ước đạt 8,2%. Đáng chú ý, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản mặc dù chịu tác động bất lợi từ bão, mưa lũ, nhưng nhờ triển khai kịp thời các biện pháp ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai nên sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn duy trì ở mức ổn định. Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp năm 2025 ước tăng 3,48% so với năm trước, đóng góp 3,59% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế

Đối với Trung An, thị trường nội địa tiếp tục đóng vai trò sống còn trong năm 2025, kế thừa vị thế từ năm 2024 (nơi thị trường này chiếm trên 92% tổng doanh thu). Việc thu nhập bình quân đầu người được cải thiện nhờ kinh tế khởi sắc là động lực cốt lõi giúp Công ty duy trì khả năng tiêu thụ các dòng sản phẩm gạo chất lượng cao (GlobalGap, Organic).

Tuy nhiên, bức tranh thị trường năm 2025 cũng chứng kiến thách thức lớn khi mặt bằng giá lúa gạo chung ghi nhận xu hướng điều chỉnh giảm sâu (điển hình là giá gạo 5% tấm giảm mạnh so với cùng kỳ). Trong bối cảnh giá bán phổ thông đi xuống, chiến lược của Trung An đã phát huy tác dụng khi tận dụng sức mua tốt của người tiêu dùng để giữ vững thị phần ở phân khúc cao cấp. Điều này giúp Công ty tránh bị cuốn vào cuộc đua giảm giá của các dòng gạo thông thường, qua đó bảo vệ biên lợi nhuận gộp và củng cố định vị thương hiệu cao cấp.



Hoạt động xuất khẩu năm 2025 của Trung An diễn ra trong bối cảnh thị trường quốc tế có sự phân hóa mạnh mẽ giữa các khu vực:

- » Sự bùng nổ từ các thị trường chiến lược: Trung Quốc tiếp tục là động lực tăng trưởng chủ lực với kim ngạch xuất khẩu duy trì mức tăng đột biến trong cả năm, ước đạt ba con số. Bên cạnh đó, các thị trường ngách cao cấp như Úc và Trung Đông (Ả Rập Saudi) vẫn ghi nhận tăng trưởng hai con số, qua đó khẳng định chất lượng sản phẩm và khả năng chinh phục các thị trường khó tính của Công ty.
- » Thách thức tại khu vực ASEAN và triển vọng mới: Các thị trường truyền thống ASEAN như Malaysia ghi nhận nhu cầu sụt giảm, trong khi Singapore chỉ chứng lại nhẹ. Tuy vậy, triển vọng năm 2026 được đánh giá tích cực nhờ Việt Nam và Singapore ký kết Bản ghi nhớ hợp tác thương mại gạo, tạo nền tảng pháp lý cho việc ổn định đầu ra dài hạn.
- » Áp lực từ giá thế giới: Một thách thức xuyên suốt năm 2025 là xu hướng điều chỉnh giá trên toàn cầu. Giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam giảm sâu so với cùng kỳ năm trước đã tạo áp lực không nhỏ lên biên lợi nhuận của các đơn hàng quốc tế, buộc doanh nghiệp phải tối ưu hóa chi phí vận hành.

Năm 2026, Ban lãnh đạo Trung An kiên định chiến lược “cân bằng và bù trừ”, tận dụng tăng trưởng mạnh từ thị trường Trung Quốc và sự ổn định của thị trường nội địa để bù đắp sụt giảm ngắn hạn tại ASEAN. Đồng thời, định hướng tập trung vào chất lượng cao giúp Công ty duy trì ổn định hoạt động trước biến động của thị trường gạo toàn cầu.

RỦI RO VỀ LÃI SUẤT

Năm 2025 khép lại với những biến động đáng chú ý trên thị trường tiền tệ, đặc biệt trong giai đoạn nửa cuối năm khi nhu cầu tín dụng toàn nền kinh tế tăng cao theo chu kỳ mùa vụ. Ghi nhận thực tế cho thấy, mặt bằng lãi suất huy động tại các ngân hàng thương mại đã thiết lập xu hướng tăng và neo ở mức cao vào cuối năm.

Xu hướng này đã đặt ra bài toán thách thức đối với toàn ngành lúa gạo – lĩnh vực vốn có đặc thù thâm dụng vốn lưu động lớn để phục vụ việc thu mua nông sản cao điểm và thực hiện các hợp đồng ứng trước cho đối tác. Đối với Trung An, do cấu trúc tài chính tập trung vào nợ vay ngắn hạn (nhằm tài trợ hàng tồn kho và đảm bảo nguồn cung), việc phần lớn các khoản vay áp dụng cơ chế lãi suất thả nổi khiến Công ty luôn phải đối mặt với rủi ro tái định giá chi phí vốn theo nhịp đập của thị trường.

Tuy nhiên, điểm sáng nổi bật nhất trong bức tranh tài chính năm 2025 của Trung An chính là hiệu quả kiểm soát chi phí vượt trội. Ngược dòng với xu hướng tăng của mặt bằng lãi suất chung trên



thị trường, tổng chi phí lãi vay thực tế của Công ty trong cả năm vẫn ghi nhận mức giảm sâu so với năm 2024.

Kết quả ấn tượng này là minh chứng rõ nét cho năng lực quản trị tài chính linh hoạt của Ban lãnh đạo. Trong năm qua, Công ty đã chủ động điều tiết dòng tiền, tối ưu hóa vòng quay vốn và đàm phán hiệu quả với các tổ chức tín dụng để giảm thiểu tối đa gánh nặng tài chính, bảo vệ thành quả lợi nhuận chung.

Về định hướng dài hạn, trong năm 2026, Trung An đã bắt đầu lộ trình tái cơ cấu nguồn vốn theo hướng bền vững hơn, ưu tiên chuyển dịch dần sang các khoản tín dụng dài hạn để giảm áp lực thanh khoản.

Đặc biệt, tận dụng lợi thế sở hữu vùng nguyên liệu lớn tại Cần Thơ và Kiên Giang, trong năm qua, Công ty đã tích cực chuẩn bị các điều kiện tiên quyết để tham gia vào chương trình thí điểm “Đề án 1 triệu héc-ta lúa chất lượng cao”. Việc tham gia sâu rộng vào chuỗi liên kết này không chỉ giúp nâng cao vị thế của Trung An mà còn là bước đệm chiến lược quan trọng để Công ty tiếp cận nguồn vốn ưu đãi và đón đầu làn sóng “tín dụng xanh” với chi phí thấp trong chu kỳ phát triển 2026 – 2030.

TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

Trong năm 2025, tỷ giá hối đoái tiếp tục là biến số trọng yếu tác động trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của Trung An do tính chất “hai chiều” trong cơ cấu hoạt động. Một mặt, biến động tỷ giá ảnh hưởng đến giá trị quy đổi nguồn thu ngoại tệ từ hoạt động xuất khẩu gạo chủ lực. Mặt khác, tỷ giá cũng tác động trực tiếp lên giá vốn hàng bán, do chi phí sản xuất phụ thuộc vào giá các nguyên liệu đầu vào có nguồn gốc nhập khẩu như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và nhiên liệu.

Nhìn lại diễn biến thị trường tiền tệ cả năm, áp lực tỷ giá dù có những thời điểm căng thẳng nhưng đã ghi nhận sự hạ nhiệt rõ rệt và đi vào quỹ đạo ổn định trong giai đoạn cuối năm. Xu hướng tích cực này được hỗ trợ mạnh mẽ bởi sự đảo chiều chính sách tiền tệ và lộ trình cắt giảm lãi suất thực tế của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) trong tháng 12/2025, giúp giảm bớt đáng kể sức ép lên đồng VND.

Kết thúc năm 2025, tỷ giá USD/VND trên thị trường duy trì sự ổn định và dao động trong biên độ kiểm. Đây là mức biến động phù hợp với các kịch bản quản trị rủi ro mà Công ty đã xây dựng từ trước.

Việc tỷ giá duy trì sự ổn định và giảm nhiệt trong giai đoạn cuối năm 2025 đã mang lại những tác động tích cực đối với bức tranh tài chính của Trung An:

- » Giảm áp lực giá vốn: Áp lực lên chi phí nhập khẩu vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc BVTV) đã được giải tỏa đáng kể, giúp Công ty kiểm soát tốt giá thành sản xuất trong vụ Đông Xuân và chuẩn bị tốt cho niên vụ mới.
- » Chủ động kế hoạch tài chính: Sự ổn định của thị trường ngoại hối giúp Công ty chủ động hơn trong việc chốt giá chào bán xuất khẩu, đảm bảo biên lợi nhuận mục tiêu.
- » Tối ưu hóa lợi nhuận tài chính: Nhờ diễn biến thuận lợi vào cuối kỳ, Trung An đã giảm thiểu được tối đa các khoản lỗ do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá, góp phần bảo toàn lợi nhuận sau thuế của cả năm 2025.



LẠM PHÁT

Năm 2025, cơ cấu giá vốn của Trung An chịu sự chi phối đan xen giữa áp lực lạm phát chung của nền kinh tế và những biến động đặc thù của chu kỳ nông nghiệp. Nhìn lại cả năm, diễn biến giá cả trên thị trường cho thấy sự phân hóa rõ rệt giữa các nhóm chi phí, tạo ra cả thách thức lẫn cơ hội cho hoạt động quản trị giá thành của Công ty.

Thách thức lớn nhất đối với giá thành sản xuất trong năm qua đến từ xu hướng tăng của nhóm vật tư và năng lượng, chịu tác động trực tiếp từ chính sách và điều hành vĩ mô:

Tác động từ chính sách thuế: Một yếu tố trọng yếu làm gia tăng chi phí đầu tư cho vùng nguyên liệu trong năm nay là việc chính thức áp dụng thuế Giá trị gia tăng (GTGT) đối với mặt hàng phân bón. Chính sách này đã tạo ra một bằng giá mới cho các loại vật tư nông nghiệp, gây áp lực trực tiếp lên chi phí canh tác của bà con nông dân và các hợp tác xã trong chuỗi liên kết.

Chi phí năng lượng và chế biến: Hoạt động chế biến sâu của Trung An chịu ảnh hưởng từ việc điều chỉnh tăng giá điện sản xuất của ngành điện lực. Do đặc thù dây chuyền sấy và xay xát công nghệ cao tiêu hao năng lượng lớn, xu hướng tăng giá điện đã làm gia tăng đáng kể chi phí vận hành nhà máy và chi phí chế biến trên mỗi đơn vị sản phẩm.

Ở chiều ngược lại, áp lực lạm phát tổng thể đã được **“trung hòa”** đáng kể nhờ sự hạ nhiệt của các yếu tố chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá vốn:

Giá lúa nguyên liệu: Đây là yếu tố thuận lợi nhất trong năm 2025. Nhờ nguồn cung dồi dào từ các vụ mùa thắng lợi, giá lúa nguyên liệu trên thị trường đã có sự điều chỉnh giảm sâu so với mức nền cao của năm trước. Việc giá nguyên liệu đầu vào chính hạ nhiệt đã giúp Công ty cải thiện đáng kể biên lợi nhuận gộp.

Chi phí Logistics: Xu hướng giảm của giá nhiên liệu (xăng, dầu) trong năm qua là một tín hiệu tích cực cho chuỗi cung ứng. Điều này giúp tiết giảm chi phí vận chuyển đường sông và đường bộ trong mạng lưới thu mua lúa từ cánh đồng về nhà máy cũng như chi phí giao hàng xuất khẩu.

Chi phí nhân công: Mặc dù luôn tồn tại áp lực tăng lương theo xu hướng chung, nhưng chi phí nhân công trong năm qua vẫn được duy trì ở mức ổn định, nằm trong tầm kiểm soát của kế hoạch tài chính.

Trước bối cảnh các yếu tố đầu vào biến động trái chiều, Ban lãnh đạo Trung An đã kiên định với chiến lược “quản trị từ gốc”:

- » Công ty chủ động làm việc với các đối tác cung ứng để bình ổn giá vật tư đầu vào, chia sẻ áp lực từ chính sách thuế mới với nông dân để đảm bảo sự bền vững của vùng nguyên liệu.
- » Tiếp tục đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ trên các cánh đồng mẫu lớn nhằm tối ưu hóa năng suất, giảm định mức tiêu hao vật tư và năng lượng, qua đó triệt tiêu các tác động tiêu cực từ lạm phát giá cả lên giá thành sản phẩm cuối cùng.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp quy mô lớn và niêm yết trên thị trường chứng khoán, Trung An chịu sự điều chỉnh của hệ thống văn bản pháp luật đa dạng. Trong bối cảnh có nhiều sự thay đổi quan trọng trong khung khổ pháp lý ngành, đòi hỏi Công ty phải có chiến lược thích ứng linh hoạt để tận dụng cơ hội và đảm bảo tuân thủ.

Hoạt động của Công ty chịu sự ảnh hưởng mạnh mẽ từ hệ thống pháp luật và chính sách của Việt Nam, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, và Luật Thương mại. Gần đây, Sở Giao dịch Chứng khoán và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã tăng cường công tác thanh tra, rà soát việc tuân thủ các nghĩa vụ của công ty đại chúng, ban hành nhiều công văn nhắc nhở cũng như xử phạt các trường hợp vi phạm. Những động thái này đặt ra thách thức không nhỏ cho công tác quản lý và điều hành của Công ty. Tuy nhiên, đây cũng là cơ hội để Trung An khẳng định thương hiệu, uy tín và chất lượng của mình trên thị trường.

Với các định hướng cởi mở hơn nhằm khuyến khích tích tụ ruộng đất và phát triển nông nghiệp quy mô lớn, hành lang pháp lý hiện hành đang tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư bài bản. Năm bất tận thần này, Trung An đã và đang chủ động đẩy mạnh chiến lược “Cánh đồng mẫu lớn”, tận dụng các cơ chế khuyến khích để mở rộng diện tích canh tác hữu cơ tập trung tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Công ty luôn duy trì sự theo dõi sát sao các văn bản hướng dẫn thi hành thực tế tại địa phương để đảm bảo mọi hoạt động mở rộng quỹ đất đều tuân thủ đúng quy trình, tạo nền tảng pháp lý vững chắc và bền vững cho hoạt động sản xuất.



Đối với hoạt động xuất khẩu, bên cạnh các rào cản thuế quan truyền thống, các yêu cầu về kỹ thuật và môi trường (phi thuế quan) đang trở thành một vấn đề trọng yếu cần được chú ý đặc biệt. Các thị trường mục tiêu cao cấp như Châu Âu và Mỹ ngày càng áp dụng nghiêm ngặt các quy định về phát triển bền vững, điển hình là các tiêu chuẩn chống phá rừng và kiểm soát phát thải carbon. Công ty luôn nghiêm túc nghiên cứu, cập nhật và tuân thủ các văn bản pháp luật thông qua việc hợp tác với các đơn vị tư vấn chuyên môn và tổ chức đào tạo kiến thức pháp lý cho nhân viên.

Ngoài ra, Công ty cũng chủ động thích ứng với các thay đổi về chính sách thuế trong nước, cụ thể là các quy định mới liên quan đến thuế GTGT đối với mặt hàng phân bón và vật tư nông nghiệp. Trung An cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về hóa đơn, chứng từ trong mọi giao dịch với đối tác và nông dân liên kết, nhằm đảm bảo tính minh bạch tài chính và tối ưu hóa dòng tiền thuế được khấu trừ theo đúng quy định của pháp luật.

RỦI RO ĐẶC THÙ



Rủi ro về cạnh tranh

Thị trường lúa gạo quốc tế đang chứng kiến áp lực gay gắt từ cả phân khúc phổ thông lẫn cao cấp. Trong năm 2025, sự trở lại của Ấn Độ sau khi nới lỏng các hạn chế xuất khẩu đã làm gia tăng nguồn cung gạo trắng giá rẻ trên toàn cầu, tạo ra cuộc đua về giá đầy khốc liệt. Ở phân khúc gạo thơm chất lượng cao – thị trường chiến lược của Trung An – Công ty cũng đối mặt với sự cạnh tranh trực tiếp từ các đối thủ lớn như Thái Lan và Campuchia, những quốc gia không chỉ mạnh về thương hiệu quốc gia mà còn đang đẩy mạnh các hợp đồng Chính phủ (G2G) tại các thị trường trọng điểm. Song song đó, tại thị trường nội địa, cuộc cạnh tranh thu mua lúa nguyên liệu giữa các doanh nghiệp chế biến cũng diễn ra quyết liệt, đặc biệt vào các thời điểm nghịch vụ, gây áp lực lên kế hoạch thu mua và ổn định giá vốn.

Trong bối cảnh này, yêu cầu về duy trì chất lượng sản phẩm ổn định, đảm bảo mức giá cạnh tranh và tuân thủ nghiêm ngặt tiến độ giao hàng theo hợp đồng luôn là những yếu tố sống còn, buộc doanh nghiệp phải không ngừng nâng cao năng lực sản xuất và quản trị.

Sự kiện Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đã mở ra cánh cửa hội nhập sâu rộng, đồng thời cũng kéo theo làn sóng đầu tư mạnh mẽ từ các doanh nghiệp nước ngoài. Những doanh nghiệp này thường sở hữu hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, lực lượng lao động được đào tạo bài bản và có kỹ năng chuyên môn cao, tạo nên sức ép cạnh tranh lớn đối với các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là trong ngành xây dựng và chế biến thực phẩm.

Trong khi các doanh nghiệp nước ngoài tận dụng hiệu quả công cụ marketing và quảng bá để nâng cao giá trị thương hiệu và mở rộng thị trường tiêu thụ, thì phần lớn các doanh nghiệp nội địa vẫn đang dựa vào mạng lưới quan hệ truyền thống, chưa thực sự khai thác tối đa tiềm năng từ hoạt động tiếp thị chuyên nghiệp. Đây là một trong những điểm yếu then chốt cần được khắc phục. Để có thể hội nhập sâu hơn và khai thác tối đa lợi thế trong nền kinh tế toàn cầu, Công ty cần chủ động nắm bắt những xu hướng biến động, nhận diện rõ cơ hội và thách thức, từ đó xây dựng và điều chỉnh chiến lược sản xuất – kinh doanh một cách linh hoạt, phù hợp với yêu cầu của giai đoạn phát triển mới.



RỦI RO ĐẶC THÙ (Tiếp theo)



Rủi ro về nguồn nguyên liệu

Là doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu, sự ổn định của dòng lúa nguyên liệu là yếu tố then chốt quyết định năng lực sản xuất và tiến độ giao hàng của Trung An. Tuy nhiên, hoạt động này đang chịu tác động kép từ các yếu tố tự nhiên và những tồn tại mang tính cấu trúc của ngành lúa gạo. Hoạt động canh tác tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long luôn tiềm ẩn rủi ro từ các hiện tượng thời tiết cực đoan như hạn hán, xâm nhập mặn hay dịch bệnh, có thể làm sụt giảm năng suất và chất lượng lúa nguyên liệu bất cứ lúc nào. Bên cạnh đó, ngành lúa gạo Việt Nam vẫn còn những hạn chế về canh tác nhỏ lẻ, đa dạng giống lúa dẫn đến chất lượng không đồng nhất, gây khó khăn cho công tác truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu. Đặc biệt, khâu thu hoạch và sau thu hoạch tại nhiều vùng nguyên liệu chưa được cơ giới hóa đồng bộ, dẫn đến tỷ lệ tổn thất sản lượng sau thu hoạch còn ở mức cao (ước tính 10 – 12%).

Một thách thức đặc thù khác là tính bền vững trong liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân. Tình trạng nông dân phá vỡ hợp đồng bao tiêu khi giá thị trường biến động mạnh vẫn diễn ra, gây áp lực lớn lên kế hoạch thu mua và ổn định giá vốn của doanh nghiệp. Nhận thức rõ những

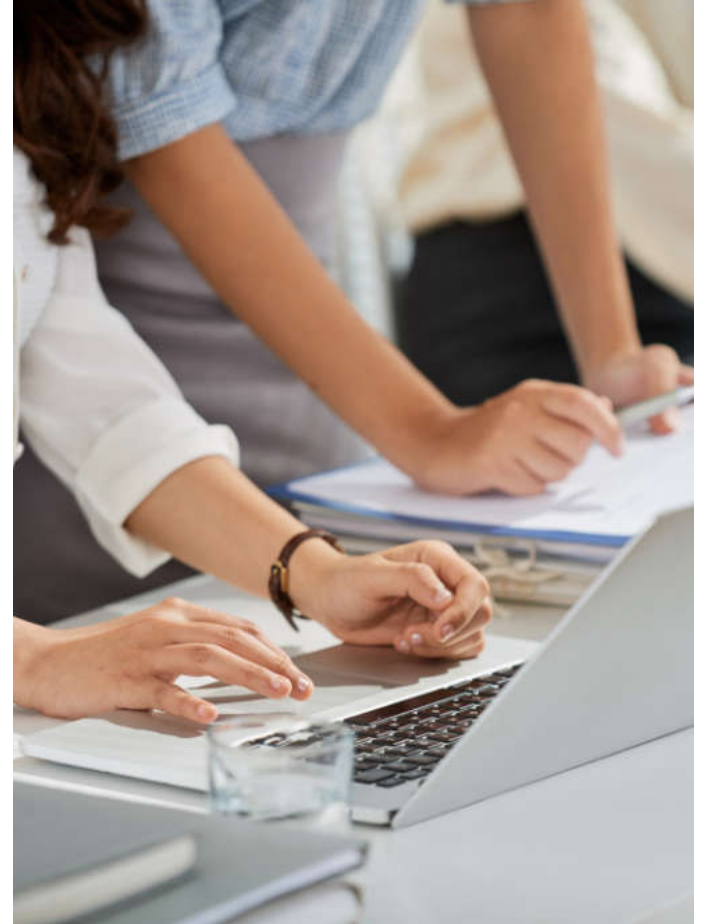
thách thức trên, Trung An kiên định áp dụng mô hình “Cánh đồng lớn” theo hướng liên kết bền vững và hiện đại hóa toàn diện. Công ty duy trì và kiểm soát chặt chẽ vùng nguyên liệu cốt lõi rộng 800 ha canh tác theo quy trình hữu cơ (Organic) và GlobalGAP. Đây là “vùng đệm” an toàn giúp Công ty chủ động hoàn toàn nguồn cung cho các dòng sản phẩm cao cấp, phục vụ các thị trường khó tính mà không phụ thuộc vào biến động bên ngoài.

Để giải quyết bài toán hao hụt và chất lượng, Trung An chủ động đầu tư cơ giới hóa toàn diện từ khâu gieo sạ, chăm sóc tự động, hệ thống trạm bơm điều tiết nước đến thu hoạch bằng máy gặt hiện đại. Chiến lược này không chỉ giúp giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch mà còn chuẩn hóa chất lượng hạt gạo ngay từ đầu vào, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm xuất khẩu. Đối với các vùng nguyên liệu mở rộng, Công ty thắt chặt mối quan hệ với các hợp tác xã thông qua cơ chế “đầu tư trước, thu mua sau”. Cụ thể, Trung An cung cấp vật tư nông nghiệp đầu vào và cam kết bao tiêu đầu ra với mức giá hấp dẫn, đảm bảo lợi ích hài hòa để giữ chân người nông dân trong chuỗi giá trị, hạn chế tối đa rủi ro đứt gãy nguồn cung.



Rủi ro về nguồn nhân lực

Việc vận hành mô hình nông nghiệp công nghệ cao với 04 nhà máy chế biến hiện đại và quy trình canh tác chuẩn GlobalGAP/Organic đòi hỏi đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao. Tuy nhiên, việc thu hút và giữ chân đội ngũ kỹ sư nông nghiệp, nhân sự kỹ thuật làm việc lâu dài tại các vùng nông thôn xa trung tâm luôn là bài toán khó. Thêm vào đó, sự phụ thuộc vào lượng lớn lao động thời vụ trong các đợt cao điểm thu hoạch tiềm ẩn rủi ro thiếu hụt nhân công cục bộ hoặc chi phí tuyển dụng gia tăng. Giải pháp trọng tâm của Trung An là đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ các khâu nặng nhọc như gieo sạ, phun thuốc và thu hoạch bằng máy để giảm thiểu sự phụ thuộc vào lao động phổ thông, đồng thời xây dựng chính sách đãi ngộ cạnh tranh để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn kết lợi ích của người lao động với hiệu quả hoạt động của Công ty.



RỦI RO KHÁC

Tương tự như nhiều doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất – xuất khẩu khác, Công ty không thể tránh khỏi việc chịu ảnh hưởng từ các rủi ro khách quan mang tính bất khả kháng như thiên tai (động đất, lũ lụt, hạn hán), hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh quy mô lớn hoặc những biến động địa – chính trị toàn cầu. Mặc dù các rủi ro này xảy ra ngoài tầm kiểm soát của doanh nghiệp, nhưng khi phát sinh, chúng có thể gây gián đoạn nghiêm trọng đến chuỗi cung ứng, hoạt động sản xuất – kinh doanh, an toàn lao động cũng như tình hình tài chính của Công ty.

Nhận thức rõ những tác động tiềm ẩn này, Trung An luôn chủ động xây dựng các phương án ứng phó và kế hoạch dự phòng nhằm đảm bảo khả năng vận hành liên tục trong mọi tình huống. Cụ thể, Công ty đã thực hiện việc mua bảo hiểm cho tài sản cố định, hàng hóa và người lao động, xem đây là giải pháp thiết thực để giảm thiểu thiệt hại tài chính trong trường hợp xảy ra rủi ro lớn. Đồng thời, Công ty cũng triển khai các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát rủi ro tại hiện trường sản xuất như xây dựng hệ thống phòng cháy chữa cháy, đảm bảo an toàn lao động, và thường xuyên rà soát, cập nhật kịch bản ứng phó khẩn cấp.

Việc chủ động trong công tác quản trị rủi ro không chỉ giúp giảm thiểu tổn thất cho Công ty và người lao động, mà còn thể hiện cam kết bảo vệ lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các bên liên quan trong bối cảnh môi trường kinh doanh ngày càng tiềm ẩn nhiều biến động khó lường.



1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội



Tình hình ngành lúa gạo thế giới năm 2025

Bước sang năm 2025, thị trường lúa gạo toàn cầu tiếp tục duy trì trạng thái biến động nhưng có xu hướng ổn định hơn so với năm 2024, khi các yếu tố bất định như chính sách thương mại và thời tiết cực đoan dần được điều chỉnh. Tuy nhiên, những rủi ro từ biến đổi khí hậu và địa chính trị vẫn hiện hữu, ảnh hưởng đến cung – cầu lương thực toàn cầu.

Theo ước tính của USDA, sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2024–2025 đạt khoảng 532,9 triệu tấn, tăng so với niên vụ trước (522,6 triệu tấn). Tổng nguồn cung đạt khoảng 712,4 triệu tấn, mức cao kỷ lục, trong khi tiêu thụ toàn cầu đạt khoảng 530 triệu tấn, tăng nhẹ nhờ nhu cầu ổn định tại châu Á và châu Phi. Nhờ đó, thị trường chuyển sang trạng thái thặng dư nhẹ, góp phần giảm áp lực giá so với giai đoạn tăng nóng trước đó.

Một yếu tố quan trọng tác động đến thị trường năm 2025 là việc Ấn Độ từng bước nới lỏng các hạn chế xuất khẩu gạo từ cuối năm 2024, dự kiến đưa lượng xuất khẩu lên khoảng 22 triệu tấn trong năm 2025. Điều này giúp cải thiện nguồn cung toàn cầu và kéo mặt bằng giá gạo giảm so với đỉnh năm 2024.

Trong khi đó:



Thái Lan sau năm 2024 đạt mức xuất khẩu cao, dự kiến giảm còn khoảng 8–9 triệu tấn do cạnh tranh gia tăng.

Pakistan duy trì vai trò nhà cung cấp lớn với khoảng 5–6 triệu tấn.

Campuchia và Myanmar tiếp tục tập trung vào phân khúc gạo thơm và chất lượng cao.

Nhu cầu nhập khẩu vẫn tập trung tại các thị trường truyền thống như Philippines, Indonesia, Trung Quốc và khu vực châu Phi, trong đó Philippines tiếp tục là nước nhập khẩu gạo lớn nhất thế giới.

Nhìn chung, năm 2025 đánh dấu giai đoạn tái cân bằng cung – cầu, với xu hướng giá giảm nhẹ nhưng vẫn ở mức cao hơn trung bình nhiều năm, phản ánh chi phí sản xuất và rủi ro khí hậu gia tăng.



Tình hình ngành lúa gạo tại Việt Nam năm 2025

Năm 2025, ngành lúa gạo Việt Nam được dự báo duy trì kết quả tích cực nhưng có sự điều chỉnh so với mức đỉnh năm 2024. Sau khi đạt kỷ lục xuất khẩu trong năm 2024 với 9,18 triệu tấn, kim ngạch 5,75 tỷ USD, năm 2025 ước tính xuất khẩu gạo của Việt Nam đạt khoảng 7,5–8,0 triệu tấn, kim ngạch khoảng 4,5–5,0 tỷ USD, do giá gạo thế giới hạ nhiệt và nguồn cung toàn cầu được cải thiện. Giá xuất khẩu bình quân có xu hướng giảm so với mức cao năm 2024 (627 USD/tấn), nhưng vẫn duy trì ở mức tương đối cao so với trung bình nhiều năm trước, nhờ cơ cấu xuất khẩu tiếp tục chuyển dịch sang gạo chất lượng cao, gạo thơm và gạo đặc sản.

Các yếu tố hỗ trợ chính cho ngành trong năm 2025 bao gồm:

Nhu cầu ổn định từ các thị trường truyền thống, đặc biệt là Philippines và Indonesia;

Lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do như EVFTA, CPTPP giúp mở rộng thị trường và cải thiện giá bán;

Thương hiệu gạo Việt Nam tiếp tục được nâng cao, với các sản phẩm như ST24, ST25 duy trì uy tín trên thị trường quốc tế.

Tuy nhiên, ngành cũng đối mặt với một số thách thức đáng kể:

Giá gạo thế giới giảm do nguồn cung tăng, làm giảm biên lợi nhuận xuất khẩu

Biến đổi khí hậu tiếp tục ảnh hưởng đến khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, với tình trạng hạn hán và xâm nhập mặn

Chi phí đầu vào cao (phân bón, nhân công, logistics) gây áp lực lên hiệu quả sản xuất

Cạnh tranh gia tăng từ các quốc gia xuất khẩu lớn khi nguồn cung toàn cầu phục hồi

Bên cạnh đó, ngành lúa gạo Việt Nam đang trong quá trình tái cơ cấu theo hướng bền vững, tập trung vào:

- » Giảm diện tích nhưng tăng chất lượng và giá trị;
- » Đẩy mạnh cơ giới hóa và ứng dụng công nghệ cao;
- » Phát triển chuỗi giá trị và truy xuất nguồn gốc;
- » Mở rộng thị trường xuất khẩu sang các khu vực có giá trị cao như châu Âu và Trung Đông.



Đánh giá chung

Tổng thể, năm 2025 được xem là giai đoạn ổn định sau chu kỳ tăng trưởng mạnh của năm 2024, khi thị trường lúa gạo toàn cầu dần cân bằng trở lại. Đối với Việt Nam, dù không còn duy trì mức tăng trưởng đột biến, ngành lúa gạo vẫn giữ được vị thế là một trong ba quốc gia xuất khẩu hàng đầu thế giới, đồng thời tiếp tục chuyển dịch theo hướng nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng.

Trong dài hạn, để duy trì năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững, ngành lúa gạo Việt Nam cần tiếp tục:

- » Đầu tư vào giống lúa chất lượng cao và thích ứng biến đổi khí hậu;
- » Tăng cường ứng dụng công nghệ và cơ giới hóa;
- » Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu;
- » Phát triển thương hiệu quốc gia cho gạo Việt Nam.

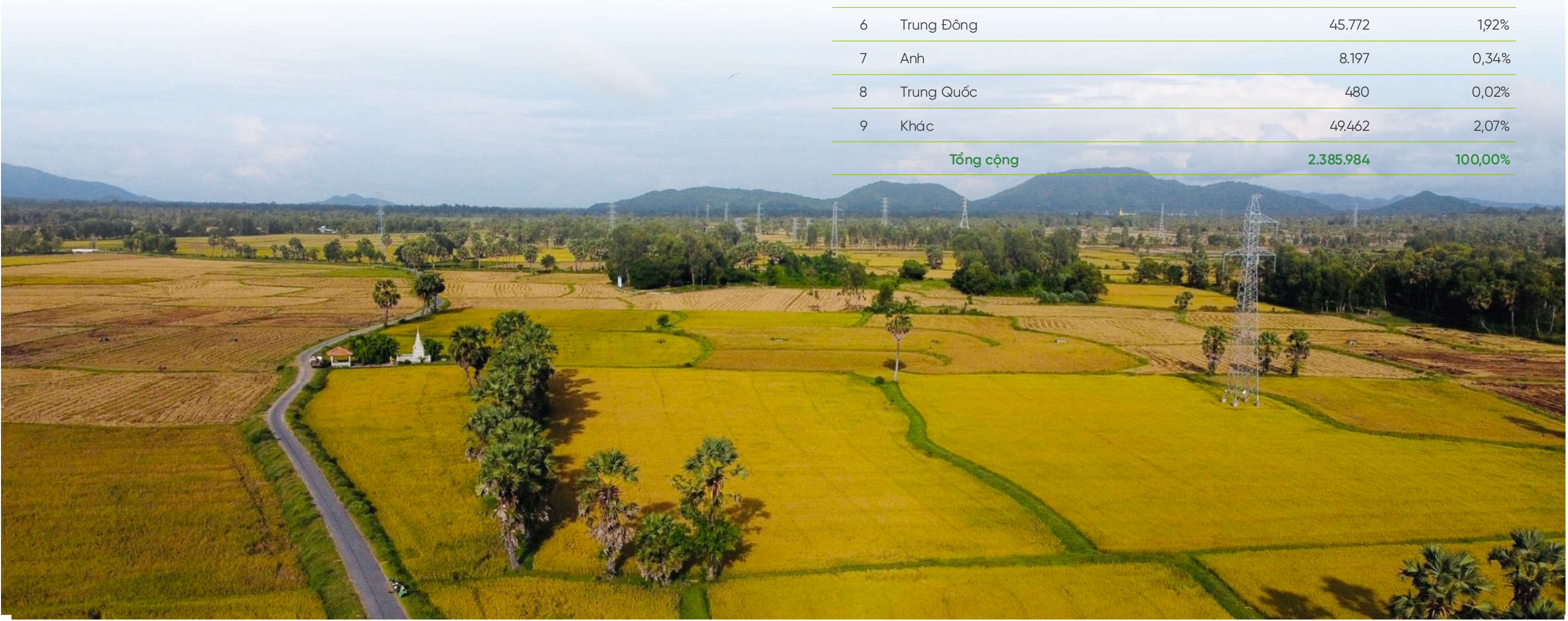
Đây sẽ là nền tảng quan trọng để ngành lúa gạo không chỉ đảm bảo an ninh lương thực trong nước mà còn nâng cao vị thế trên thị trường quốc tế trong những năm tới.



Về các tỷ trọng các thị trường xuất khẩu của Trung An

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Thị Trường	Năm 2025	Tỷ Trọng (%)
I	Nội địa	2.221.606	93,11%
1	Gạo, tấm, cám ...	2.208.916	92,58%
2	Dịch vụ và hàng hóa khác	12.690	0,53%
II	Xuất khẩu	164.378	6,89%
1	Đức	25.606	1,07%
2	Malaysia	4.786	0,20%
3	Australia	14.760	0,62%
4	Singapore	14.595	0,61%
5	USA	720	0,03%
6	Trung Đông	45.772	1,92%
7	Anh	8.197	0,34%
8	Trung Quốc	480	0,02%
9	Khác	49.462	2,07%
Tổng cộng		2.385.984	100,00%





Các chỉ tiêu kết quả hoạt động

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	%Tăng/Giảm
1	Doanh thu thuần	4.235.629	2.385.984	-43,67%
2	Giá vốn hàng bán	4.122.292	2.283.000	-44,62%
3	Lợi nhuận gộp	113.347	102.984	-9,14%
4	Lợi nhuận từ HĐKD	(65.280)	(23.497)	-
5	Lợi nhuận khác	17.857	6.631	-62,87%
6	Lợi nhuận trước thuế	(47.423)	(16.866)	-
7	Lợi nhuận sau thuế	(58.147)	(24.564)	-

Doanh thu thuần 2025



Năm 2025, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An ghi nhận doanh thu thuần đạt 2.385.984 triệu đồng, giảm mạnh 43,67% so với mức 4.235.629 triệu đồng của năm 2024. Kết quả này cho thấy hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng đáng kể từ sự suy giảm chung của thị trường, đặc biệt trong bối cảnh giá gạo thế giới hạ nhiệt và nhu cầu tại một số thị trường chủ lực có dấu hiệu chững lại.

Lợi nhuận sau thuế 2025



Lợi nhuận gộp đạt 102.984 triệu đồng, giảm 9,14% so với năm trước. Mặc dù giá vốn hàng bán đã được tiết giảm tương ứng với mức giảm doanh thu (-44,62%), nhưng mức giảm này vẫn chưa đủ để giúp Công ty có lãi thuần từ hoạt động kinh doanh.

Trong năm, Công ty tiếp tục ghi nhận lỗ từ hoạt động kinh doanh là 23.497 triệu đồng và lỗ sau thuế 24.564 triệu đồng. Tuy nhiên, một điểm tích cực là mức lỗ đã được thu hẹp đáng kể so với năm 2024 (năm 2024 lỗ sau thuế lên tới 58.147 triệu đồng, tương ứng mức giảm lỗ 57,76%). Kết quả này phản ánh những nỗ lực bước đầu của Công ty trong việc kiểm soát chi phí và tái cơ cấu hoạt động nhằm giảm thiểu thiệt hại trong giai đoạn khó khăn.

Kết quả kinh doanh năm 2025 chịu tác động bởi các nguyên nhân chính sau: (1) Giá gạo thế giới giảm so với mức đỉnh năm 2024, do nguồn cung toàn cầu được cải thiện khi một số quốc gia nới lỏng hạn chế xuất khẩu, làm giảm giá bán và doanh thu xuất khẩu của Công ty; (2) Sản lượng tiêu thụ giảm mạnh, thể hiện qua doanh thu chỉ đạt khoảng 41% kế hoạch, cho thấy Công ty gặp khó khăn trong việc duy trì đơn hàng tại các thị trường truyền thống; (3) Biên lợi nhuận gộp tiếp tục bị thu hẹp, do áp lực cạnh tranh về giá trong bối cảnh thị trường suy giảm, trong khi Công ty vẫn duy trì chính sách giá hợp lý nhằm giữ khách hàng; (4) Chi phí tài chính vẫn ở mức cao, tiếp tục tạo áp lực lên lợi nhuận, dù đã có cải thiện so với năm trước; (5) Lợi nhuận khác giảm mạnh 75,20%, làm giảm nguồn bù đắp cho hoạt động kinh doanh chính.

So với kế hoạch năm 2025, Công ty không hoàn thành các chỉ tiêu đề ra, trong đó doanh thu chỉ đạt 56,81% kế hoạch và lợi nhuận sau thuế âm, không đạt với kế hoạch. Đồng thời, Công ty không thực hiện chi trả cổ tức trong năm.

Nhìn chung, năm 2025 tiếp tục là một năm khó khăn đối với Công ty khi quy mô doanh thu suy giảm mạnh và hoạt động kinh doanh vẫn chưa thoát khỏi tình trạng thua lỗ, dù mức lỗ đã được cải thiện đáng kể. Điều này phản ánh quá trình điều chỉnh sau giai đoạn tăng trưởng nóng năm 2024 và những tác động bất lợi từ thị trường.

Trong thời gian tới, để cải thiện hiệu quả hoạt động, Công ty cần tập trung vào:

- » Phục hồi sản lượng và mở rộng thị trường tiêu thụ, đặc biệt tại các thị trường ổn định;
- » Kiểm soát chặt chẽ chi phí tài chính và chi phí vận hành;
- » Tối ưu cơ cấu sản phẩm theo hướng nâng cao giá trị gia tăng;
- » Cân đối giữa mục tiêu tăng trưởng doanh thu và hiệu quả lợi nhuận, tránh kéo dài tình trạng “doanh thu giảm – lợi nhuận âm”.



DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Lê Bảo Trang	Tổng Giám đốc	-	-
2	Phạm Thái Bình	Phó Tổng Giám đốc	11.000.000	14,04%
3	Phạm Lê Khánh Hân	Phó Tổng Giám đốc	-	-
4	Phạm Lê Khánh Huyền	Kế toán trưởng	-	-

THÔNG TIN BAN ĐIỀU HÀNH

Bà NGUYỄN LÊ BẢO TRANG - TỔNG GIÁM ĐỐC

- Năm sinh: 1978
- Trình độ chuyên môn: 12/12
- Chức vụ đang nắm giữ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phiếu sở hữu cá nhân: Không có
- Số cổ phiếu sở hữu đại diện cổ phần: Không có
- Quá trình công tác:
 - Từ 2005 - 2015: Quản lý kho - Công ty TNHH Trung An
 - Từ 05/2016 - Nay: Thành viên HĐQT CTCP Nông nghiệp Công nghệ Cao Trung An
 - Từ 17/08/2023 - Nay: Tổng Giám đốc CTCP Nông nghiệp Công nghệ Cao Trung An

Bà PHẠM LÊ KHÁNH HÂN - Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1981
- Trình độ chuyên môn: 12/12
- Chức vụ đang nắm giữ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phiếu sở hữu cá nhân: Không có
- Số cổ phiếu sở hữu đại diện cổ phần: Không có
- Quá trình công tác:
 - Từ 2000 - 2015: Trưởng phòng xuất nhập khẩu - Công ty TNHH Trung An
 - Từ 12/2015 - Nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An

Ông PHẠM THÁI BÌNH - Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1956
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp quản lý kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ: Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An Kiên Giang
- Số cổ phiếu sở hữu cá nhân: 11.000.000 cổ phần, chiếm 14,04% số cổ phần
- Số cổ phiếu sở hữu đại diện cổ phần: Không có
- Quá trình công tác:
 - Từ 1978 - 1996: Đại lý thu mua lúa gạo
 - Từ 1996 - 12/2015: Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Trung An
 - Từ 09/2009 - Nay: Giám đốc Công ty TNHH SXCB Kinh doanh Xuất Khẩu Gạo Việt Đức
 - Từ 07/2012 - Nay: Giám đốc Công ty TNHH Novotech Trung Hưng
 - Từ 12/2015 - 08/2023: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An
 - Từ 06/2016 - Nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An Kiên Giang
 - Từ 08/2023 - Nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD CTCP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An

Bà PHẠM LÊ KHÁNH HUYỀN - Kế toán trưởng

- Năm sinh: 1978
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phiếu sở hữu cá nhân: Không có
- Số cổ phiếu sở hữu đại diện cổ phần: Không có
- Quá trình công tác:
 - Từ 1999-12/2015: Trưởng phòng Kế toán - Công ty TNHH Trung An
 - Từ 12/2015 - 06/2023: Thành viên HĐQT CTCPNông nghiệp Công nghệ cao Trung An
 - Từ 05/2022 - Nay: Kế toán trưởng CTCP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH Không có

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

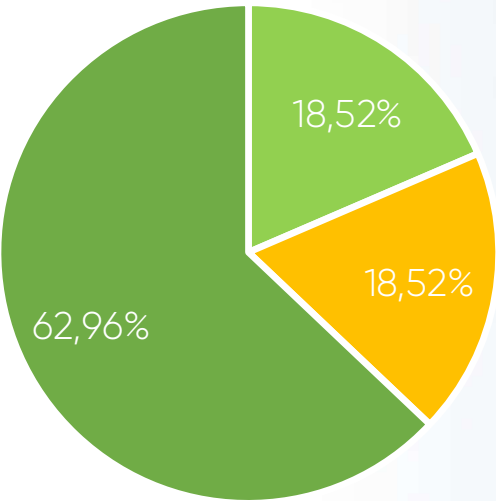
STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	54	100,00%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	10	18,52%
2	Trình độ Cao đẳng, Trung cấp	10	18,52%
3	Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	34	62,96%
B	Theo thời hạn	54	100,00%
1	Lao động thời vụ	-	-
2	Hợp đồng dài hạn	54	100,00%
C	Theo giới tính	54	100,00%
1	Nam	39	72,22%
2	Nữ	15	27,78%

THU NHẬP BÌNH QUÂN

CHỈ TIÊU	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng số lượng người lao động (người)	205	128	126	54
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	10.349.398	10.705.612	11.853.935	13.824.074

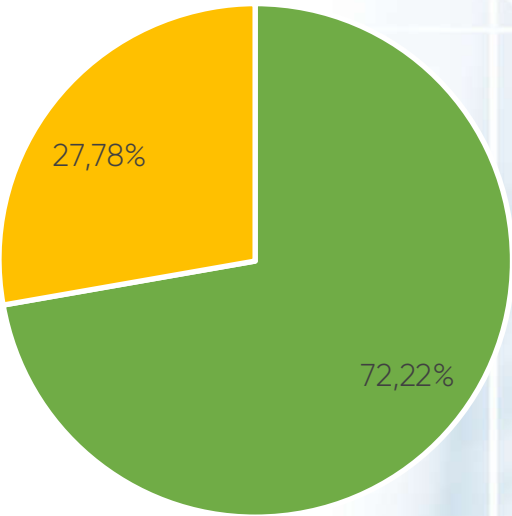


THEO TRÌNH ĐỘ



- Trình độ đại học và trên đại học
- Trình độ cao đẳng, trung cấp
- Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông

THEO GIỚI TÍNH



- Nam
- Nữ

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ



Chiến lược tuyển dụng

Công ty xác định tuyển dụng là một cấu phần trọng yếu trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực bền vững. Hoạt động tuyển dụng không chỉ tập trung vào việc đáp ứng yêu cầu chuyên môn mà còn chú trọng đến phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm và mức độ cam kết gắn bó của ứng viên.

Đối với các vị trí quản lý và kỹ thuật chủ chốt, quy trình tuyển chọn được triển khai nghiêm ngặt nhằm đảm bảo ứng viên đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn về năng lực, kinh nghiệm và khả năng thích ứng với yêu cầu công việc.



Thời gian làm việc

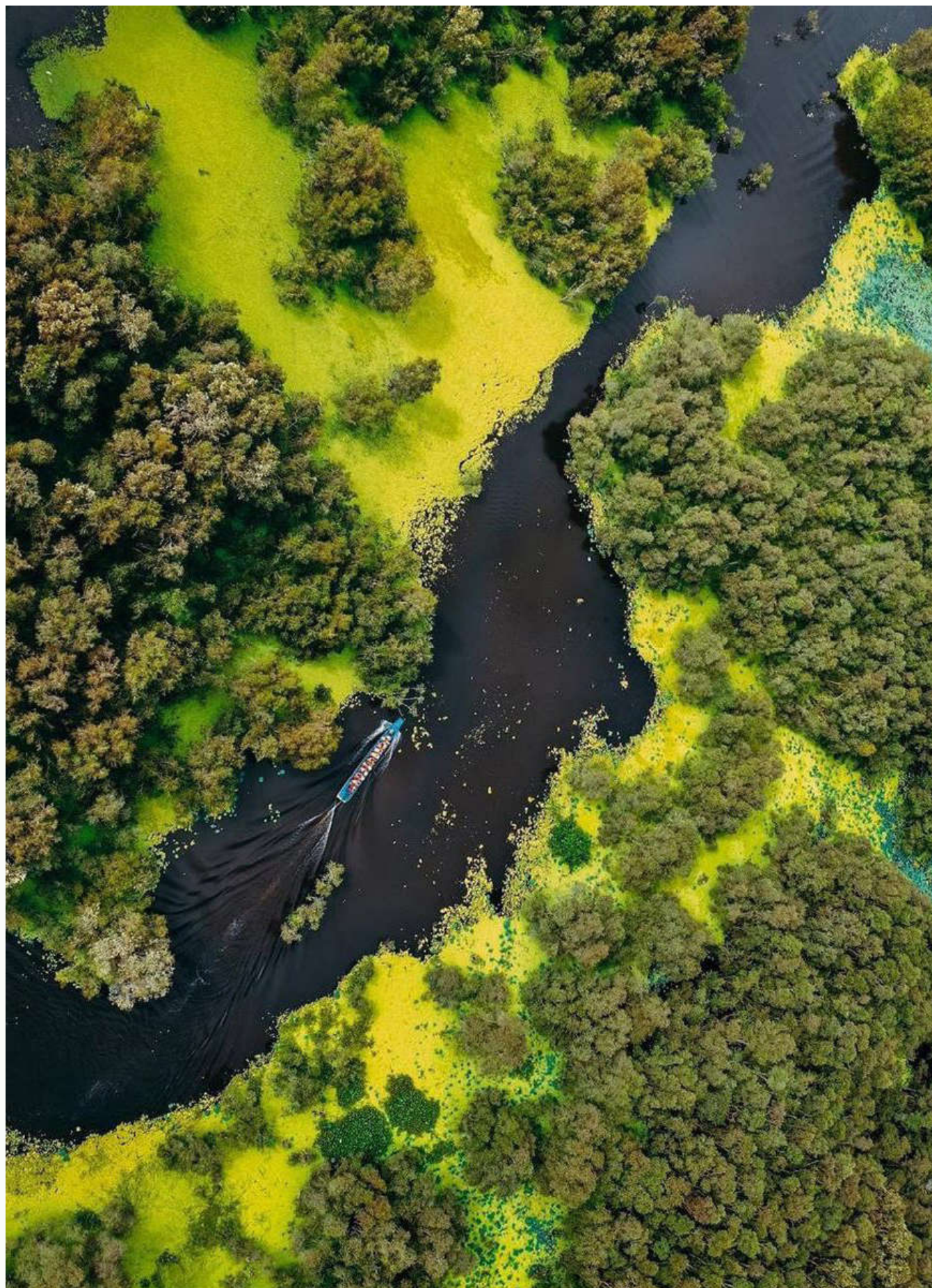
Công ty tổ chức thời gian làm việc phù hợp với quy định của pháp luật lao động và đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời gian làm việc tiêu chuẩn là 08 giờ/ngày, 05 ngày/tuần, nghỉ trưa 02 giờ, nghỉ Thứ Bảy và Chủ nhật. Trong các giai đoạn cao điểm, người lao động có thể làm thêm giờ trên cơ sở tự nguyện và thỏa thuận trước. Khối sản xuất được bố trí làm việc theo ca để đảm bảo tiến độ và hiệu quả, trong khi khối văn phòng làm việc theo giờ hành chính.



Đào tạo và phát triển đội ngũ

Công ty chú trọng đầu tư vào công tác đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực cạnh tranh. Hoạt động đào tạo được triển khai theo hai nhóm chính:

- » Lao động trực tiếp: Tổ chức đào tạo tại chỗ nhằm nâng cao tay nghề, kỹ năng vận hành và ý thức tuân thủ tiêu chuẩn chất lượng trong sản xuất.
- » Khối chuyên môn – nghiệp vụ: Khuyến khích tham gia các chương trình đào tạo chuyên sâu, cập nhật kiến thức về quản trị, tài chính, thuế và các lĩnh vực liên quan, cả trong và ngoài nước.



Môi trường làm việc và điều kiện lao động

Công ty hướng tới xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp và thân thiện. Hệ thống nhà xưởng được đầu tư đồng bộ, đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn, vệ sinh và điều kiện lao động. Người lao động được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ và thiết bị hỗ trợ cần thiết. Đối với khối văn phòng, hạ tầng công nghệ thông tin được đầu tư hiện đại, đảm bảo hiệu quả và năng suất làm việc.



Chính sách đãi ngộ và phúc lợi

Chính sách tiền lương và đãi ngộ được xây dựng trên cơ sở phù hợp với năng lực, hiệu quả công việc và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Tiền lương được chi trả định kỳ hai lần/tháng, đồng thời được xem xét điều chỉnh hàng năm nhằm đảm bảo tính cạnh tranh.

Chính sách thưởng được gắn với kết quả hoạt động kinh doanh, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.



CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

ĐVT: đồng

Khoản mục đầu tư	01/01/2025	31/12/2025
Mua sắm TSCĐ	32.445.775	-
Xây dựng cơ bản dở dang	7.402.712.514	7.475.694.094
<i>Dự án Xây dựng cánh đồng mẫu Kiên Giang</i>	7.037.023.473	7.037.023.473
<i>Dự án Nhà máy xử lý rác</i>	352.008.036	352.008.036
<i>Nhà ở nhân viên</i>	13.681.005	13.681.005
<i>Công trình khác</i>	-	72.981.580
Tổng cộng	7.435.158.289	7.475.694.094

Ngoài ra, Trong năm 2025, Công ty tiếp tục triển khai các dự án đầu tư trọng điểm theo định hướng phát triển bền vững và mở rộng chuỗi giá trị.

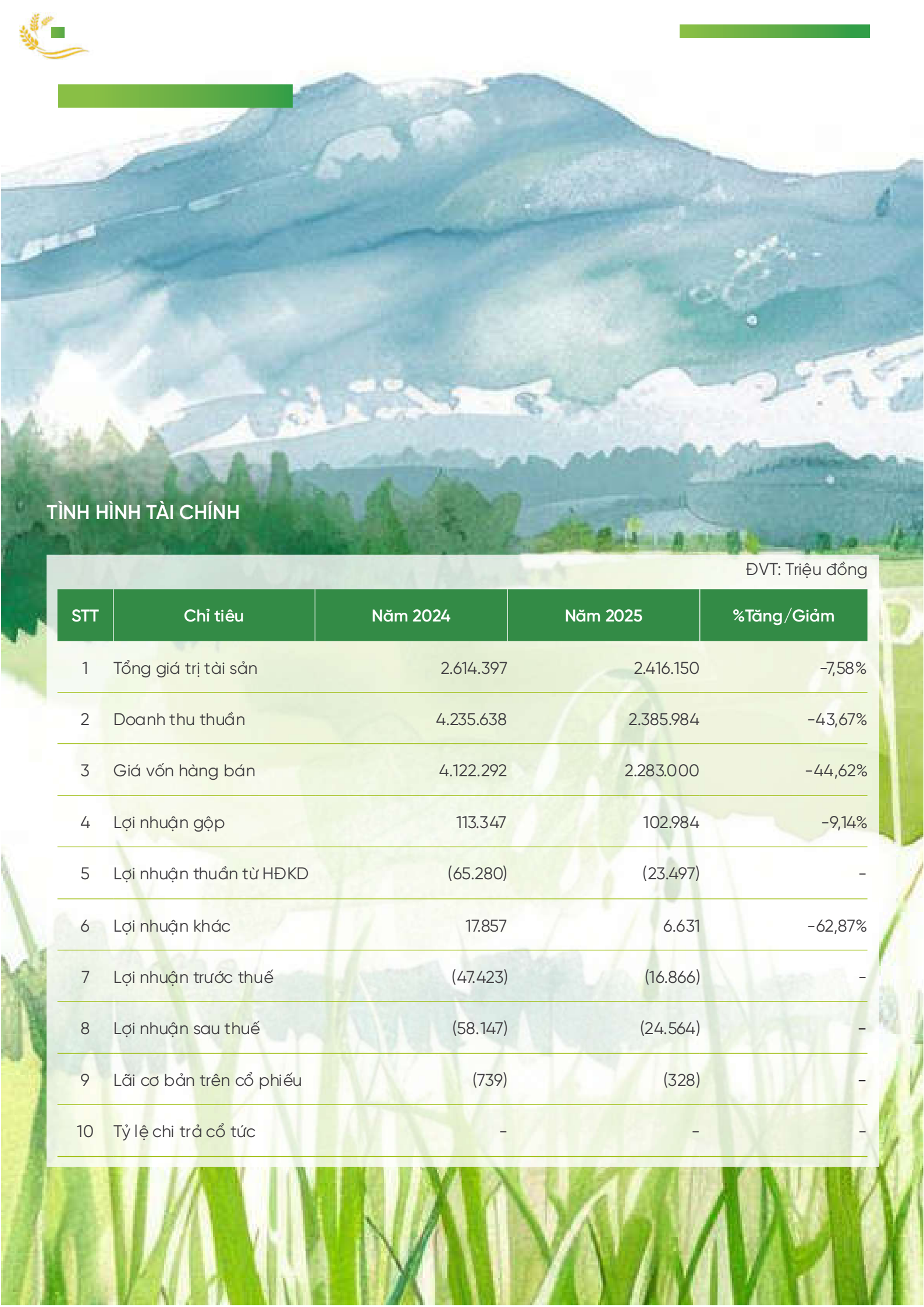
- » **Đối với Dự án: Cụm nhà máy thu mua chế biến gạo xuất khẩu phục vụ Vùng lúa chất lượng cao 15.000 ha tại tỉnh Phú Yên**, Công ty đã tiếp tục phối hợp với các cơ quan chức năng địa phương triển khai các bước chuẩn bị đầu tư, trên cơ sở dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư từ năm 2023, qua đó từng bước hình thành vùng nguyên liệu ổn định phục vụ xuất khẩu.
- » **Đối với Dự án: Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt và phát điện Trung An tại Phú Yên và Dự án: Nhà máy phát điện sử dụng rác thải sinh rắn Sóc Trăng**, các dự án đã được Bộ Công Thương đưa vào Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2026–2030 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Trong năm 2025, Công ty tập trung hoàn thiện hồ sơ pháp lý, làm việc với các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương nhằm xin cấp quyết định chủ trương đầu tư, đồng thời đánh giá tính khả thi và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc triển khai trong giai đoạn tiếp theo.
- » **Đối với Dự án: “Vùng lúa chuyên canh chất lượng cao và phát thải thấp 20.000 ha trong Đề án 1 triệu ha tại An Giang” và Dự án: “Vùng lúa chuyên canh chất lượng cao và phát thải thấp 15.000 ha trong Đề án 1 triệu ha tại Cần Thơ”**, Công ty đã lập hồ sơ dự án và trình các cơ quan chức năng thẩm định trong năm 2025. Các dự án này đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/phối hợp cấp thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư.

CÔNG TY CON

ĐVT: đồng

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ Cao Trung An Kiên Giang				
STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	%Tăng giảm 2025/2024
1	Tổng tài sản	417.404.811.983	467.722.862.930	12,05%
2	Vốn chủ sở hữu	308.440.751.647	312.108.239.342	1,19%
3	Doanh thu thuần	380.127.936.403	315.392.665.591	-17,03%
4	Lợi nhuận sau thuế	-845.341.530	3.667.487.695	-





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng				
STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	%Tăng/Giảm
1	Tổng giá trị tài sản	2.614.397	2.416.150	-7,58%
2	Doanh thu thuần	4.235.638	2.385.984	-43,67%
3	Giá vốn hàng bán	4.122.292	2.283.000	-44,62%
4	Lợi nhuận gộp	113.347	102.984	-9,14%
5	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(65.280)	(23.497)	-
6	Lợi nhuận khác	17.857	6.631	-62,87%
7	Lợi nhuận trước thuế	(47.423)	(16.866)	-
8	Lợi nhuận sau thuế	(58.147)	(24.564)	-
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(739)	(328)	-
10	Tỷ lệ chi trả cổ tức	-	-	-

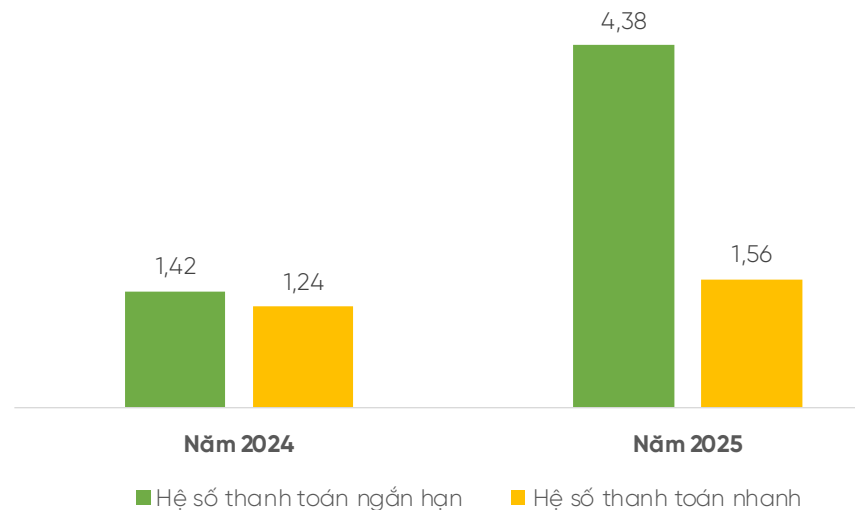
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,42	1,48
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,24	1,3
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
2	Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	54,40%	51,68%
	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	119,32%	106,95%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
3	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,17	9,26
	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,51	0,95
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
4	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	-1,37%	-1,03%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-4,88%	-2,18%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	-2,06%	-1,02%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	-1,54%	-0,98%



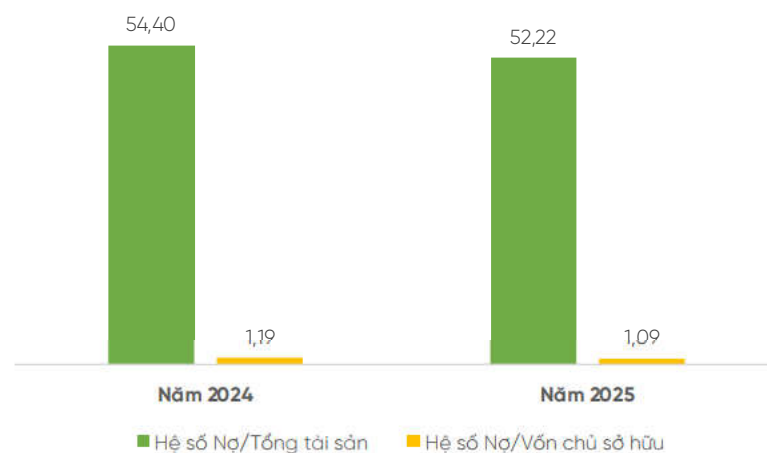
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động, Công ty đã thực hiện chiến lược quản trị dòng tiền thận trọng, giúp các hệ số thanh toán có sự cải thiện tích cực. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,42 lần (2024) lên 1,48 lần (2025), khẳng định năng lực đảm bảo các nghĩa vụ nợ đến hạn bằng tài sản ngắn hạn hiện có. Đặc biệt, Hệ số thanh toán nhanh tăng từ 1,24 lần lên 1,3 lần, cho thấy tính thanh khoản của tài sản đã được nâng cao. Việc duy trì hệ số này trên mức 1,0 giúp Công ty giảm bớt áp lực phụ thuộc vào việc giải phóng hàng tồn kho để đáp ứng các nhu cầu chi trả khẩn cấp, từ đó gia tăng vị thế an toàn tài chính trước các rủi ro thanh khoản tiềm ẩn.



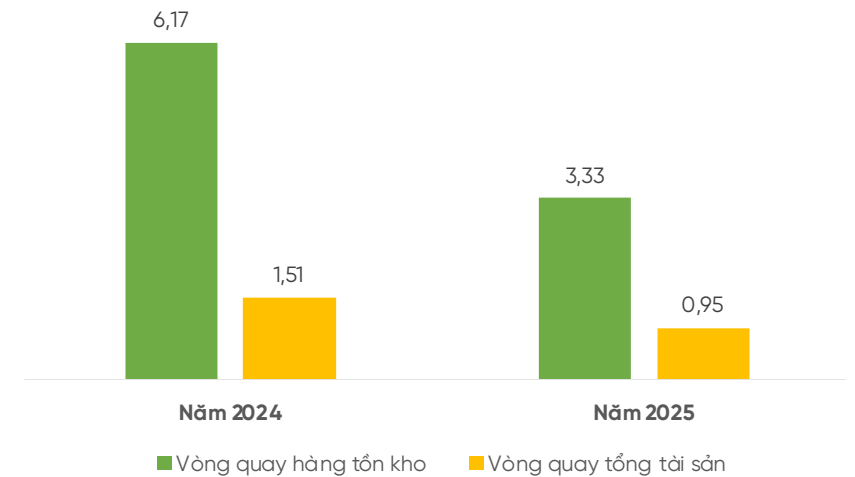
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Năm 2025 đánh dấu nỗ lực tái cấu trúc bảng cân đối kế toán theo hướng lành mạnh hóa. Hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm từ 54,40% xuống còn 51,68%, phản ánh xu hướng giảm bớt sự lệ thuộc vào nguồn vốn bên ngoài. Tương ứng, Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu có mức giảm đáng kể, từ 119,32% xuống 106,95%. Việc kiểm soát và kéo giảm tỷ lệ đòn bẩy tài chính không chỉ giúp Công ty tiết giảm chi phí lãi vay – một trong những gánh nặng trực tiếp lên lợi nhuận – mà còn củng cố nền tảng tài chính bền vững, tạo dư địa để tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi hơn trong tương lai.



CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Công ty đã đạt được bước tiến lớn trong việc quản trị hàng hóa khi Vòng quay hàng tồn kho tăng mạnh từ 6,17 vòng lên 9,26 vòng. Điều này minh chứng cho tốc độ luân chuyển hàng hóa nhanh chóng, hạn chế tối đa tình trạng ứ đọng vốn và rủi ro giảm giá nông sản. Tuy nhiên, do quy mô doanh thu sụt giảm mạnh trong kỳ, Vòng quay tổng tài sản đã giảm từ 1,51 vòng xuống còn 0,95 vòng. Kết quả này phản ánh thách thức trong việc khai thác tối đa công suất tài sản khi nhu cầu thị trường thu hẹp, đòi hỏi Công ty phải có những chiến lược quyết liệt hơn để phục hồi sản lượng tiêu thụ trong giai đoạn tới.



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Dù kết quả cuối cùng vẫn chịu áp lực lỗ do các chi phí tài chính và điều kiện thị trường khách quan, các chỉ số sinh lời của TAR đã cho thấy những tín hiệu hồi phục rõ nét. Biên lợi nhuận ròng (ROS) cải thiện từ -1,37% lên -1,03%. Tương tự, ROE và ROA cũng ghi nhận mức cải thiện đáng kể (ROE từ -4,88% lên -2,18%; ROA từ -2,06% lên -1,02%), cho thấy mức độ tiêu hao nguồn lực đã được kiểm soát chặt chẽ hơn. Đáng chú ý, Tỷ lệ Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần tiến sát về mức 0 (-0,98% so với -1,54% năm trước), khẳng định hiệu quả từ các biện pháp tiết giảm giá vốn và chi phí quản lý. Đây là tiền đề quan trọng để Công ty sớm đạt được điểm hòa vốn và hướng tới mục tiêu có lợi nhuận dương trong năm tài chính tiếp theo.



CỔ PHẦN



Tổng số cổ phiếu
đã phát hành: 78.319.777 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu
đang lưu hành: 78.319.777 cổ phiếu

Số lượng
cổ phiếu quỹ 0 cổ phiếu

Loại cổ phần
100% Cổ phần ưu đãi

Mệnh giá cổ phần
1.000.000.000 đồng

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA

0% (Căn cứ theo Công văn số 2495/UBCK-PTTT ngày 02/06/2021 của UBCKNN về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa)

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Tỷ lệ sở hữu	78.319.777	783.197.770.000	100,00%
1	Cổ đông lớn	11.000.000	110.000.000.000	14,04%
2	Cổ đông nhỏ	67.319.777	673.197.770.000	85,96%
II	Đối tượng sở hữu	78.319.777	783.197.770.000	100,00%
1	Cổ đông nhà nước	-	-	-
2	Cổ đông tổ chức	396.734	3.967.340.000	0,51%
3	Cổ đông cá nhân	77.923.043	779.230.430.000	99,49%
III	Phạm vi sở hữu	78.319.777	783.197.770.000	100,00%
1	Trong nước	78.298.918	782.989.180.000	99,97%
2	Nước ngoài	20.859	208.590.000	0,03%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Thông tin cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Ông Phạm Thái Bình	2A1, Võ Thị Sáu, P. An Hội, TP. Cần Thơ	11.000.000	14,04%



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Lần	Thời điểm hoàn thành	Vốn điều lệ trước phát hành (đồng)	Số vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
1	Năm 2015: Chuyển đổi loại hình từ TNHH sang CTCP	200.000.000.000	350.000.000.00	200.000.000.000	-	-
2	2017	200.000.000.000	70.563.001.129	270.563.001.129	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	NQ số 05-2017/TAG/NQ-HĐQT ngày 15/09/2017 thông qua việc góp vốn bằng tài sản của các cổ đông; Giấy chứng nhận ĐKKD số 1800241736 thay đổi lần thứ 18 ngày 23/3/2017 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Cần Thơ cấp.
3	2018	270.563.001.129	79.436.998.871	350.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NQ số 06-2017/TAG/NQ-HĐQT ngày 26/10/2017; Giấy chứng nhận ĐKKD số 1800241736 thay đổi lần thứ 19 ngày 23/11/2017 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Cần Thơ cấp.
4	04/09/2020	350.000.000.000	69.999.770.000	419.999.770.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐQT/TAR ngày 29/06/2020; Nghị quyết HĐQT 08/2020/TAR/NQ-HĐQT ngày 04/09/2020 Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019;
5	2021	419.999.770.000	41.999.560.000	461.999.330.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/NQ-ĐHĐQT/TAR ngày 27/04/2021; Nghị quyết HĐQT số 06-2017/TAG/NQ-HĐQT ngày 26/10/2017;
6	10/01/2022	461.999.330.000	250.000.000.000	711.999.330.000	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/NQ-ĐHĐHĐ/TAR ngày 27/04/2021; Nghị quyết HĐQT số 01/2022/TAR/NQ-HĐQT ngày 10/01/2022 về Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
7	20/06/2022	711.999.330.000	71.198.440.000	783.197.770.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2022/NQ-ĐHĐHĐ/TAR ngày 27/06/2022; Nghị quyết HĐQT số 21/2022/TAR/NQ-HĐQT ngày 20/06/2022.



TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Trong định hướng phát triển bền vững, Công ty chủ động tích hợp các yếu tố bảo vệ môi trường vào toàn bộ chuỗi giá trị sản xuất – kinh doanh. Công tác nâng cao nhận thức về môi trường được triển khai thường xuyên thông qua các chương trình đào tạo nội bộ, giúp cán bộ, nhân viên cập nhật quy định pháp luật và nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng tài nguyên và kiểm soát tác động môi trường.

Đối với hệ sinh thái liên kết sản xuất, Công ty tích cực phổ biến các biện pháp canh tác bền vững, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường cho các hộ nông dân hợp tác, góp phần xây dựng chuỗi giá trị nông nghiệp thân thiện với môi trường.

Sáng kiến giảm phát thải khí nhà kính

Công ty triển khai các hoạt động giám sát môi trường định kỳ tại các cơ sở sản xuất, đảm bảo kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu về tiêu thụ năng lượng, nước và phát thải theo đúng quy chuẩn hiện hành. Các đề án bảo vệ môi trường được xây dựng và thực hiện đồng bộ, góp phần giảm thiểu rủi ro và nâng cao hiệu quả vận hành.

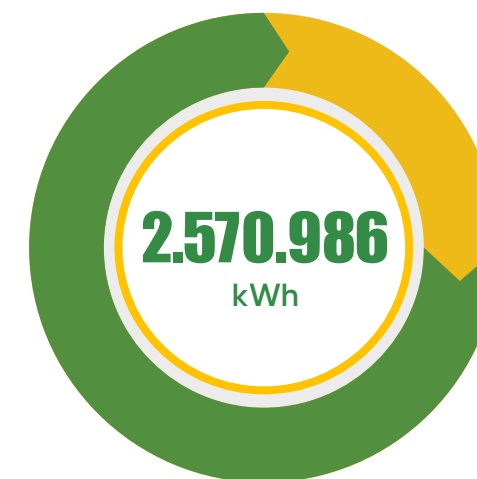
Bên cạnh đó, Công ty từng bước chuyển đổi sang sử dụng năng lượng tái tạo (điện mặt trời) tại một số cơ sở sản xuất, thể hiện cam kết lâu dài trong lộ trình chuyển đổi xanh và giảm phát thải carbon.



TIÊU THỤ ĐIỆN

Nguồn điện phục vụ hoạt động sản xuất – kinh doanh chủ yếu được cung cấp từ lưới điện quốc gia. Song song đó, Công ty đã đầu tư hệ thống điện mặt trời tại một số cơ sở nhằm giảm sự phụ thuộc vào nguồn năng lượng truyền thống và tối ưu chi phí vận hành.

Công ty cũng triển khai các biện pháp tiết kiệm điện như sử dụng thiết bị chiếu sáng tiết kiệm năng lượng, ban hành quy định sử dụng điện hợp lý tại văn phòng và nhà xưởng. Ngoài ra, hệ thống máy phát điện dự phòng được trang bị nhằm đảm bảo hoạt động liên tục trong trường hợp gián đoạn nguồn điện.



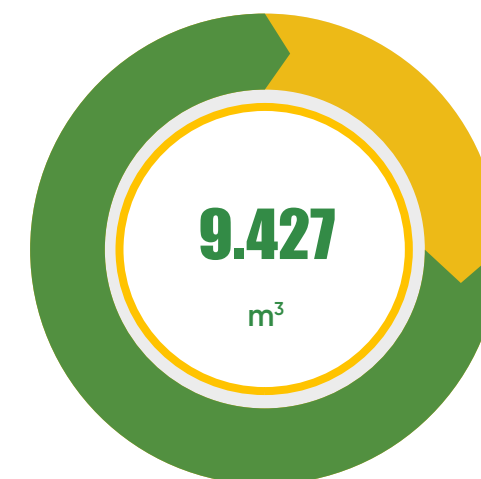
Tổng lượng điện tiêu thụ



TIÊU THỤ NƯỚC

Công ty thực hiện quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn nước trong cả hoạt động sản xuất và sinh hoạt. Nguồn nước sạch được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt, đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

Hệ thống cấp nước được bảo trì định kỳ nhằm đảm bảo vận hành ổn định và hạn chế thất thoát. Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ thông qua hệ thống bể tự hoại ba ngăn trước khi xả ra hệ thống chung, góp phần giảm thiểu ô nhiễm và tuân thủ quy định về môi trường.



Tổng lượng nước tiêu thụ



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Công ty ưu tiên sử dụng nguyên vật liệu có nguồn gốc thân thiện với môi trường, hướng tới giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái. Việc lựa chọn vật tư đầu vào được thực hiện trên cơ sở hợp tác với các đơn vị nghiên cứu và cơ quan quản lý, đặc biệt trong việc sử dụng phân bón hữu cơ và các sản phẩm an toàn cho đất, nước và sức khỏe người tiêu dùng.

Bao bì sử dụng trong sản xuất và đóng gói được cung ứng từ các nhà cung cấp đáp ứng tiêu chuẩn môi trường và an toàn sản phẩm theo quy định. Đồng thời, Công ty áp dụng các quy trình quản lý, lưu trữ và bảo quản nguyên vật liệu chặt chẽ nhằm hạn chế thất thoát và tối ưu hiệu quả sử dụng tài nguyên.

Lượng bao bì sử dụng trong năm: **2.120.529** cái
Khối lượng nguyên liệu đầu vào: **87.303** tấn



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại thời điểm báo cáo, Công ty có tổng số **54 lao động**, với thu nhập bình quân đạt **13.824.074 đồng/người/tháng**. Công ty xây dựng chính sách nhân sự trên nguyên tắc công bằng, minh bạch và tôn trọng, hướng tới tạo dựng môi trường làm việc ổn định và chuyên nghiệp.

Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định pháp luật, bao gồm ký kết hợp đồng lao động và tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm (BHXH, BHYT, BHTN).

Song song đó, Công ty chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng làm việc cho cán bộ, nhân viên. Việc phân công công việc được thực hiện dựa trên năng lực và định hướng phát triển của từng cá nhân.

Các hoạt động chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, cũng như phong trào đoàn thể, được duy trì thường xuyên, góp phần tăng cường sự gắn kết nội bộ và xây dựng văn hóa doanh nghiệp tích cực.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty luôn đề cao trách nhiệm xã hội và cam kết đồng hành cùng sự phát triển của cộng đồng địa phương. Trong năm 2025, Công ty tiếp tục tham gia và đóng góp cho các hoạt động an sinh xã hội, hỗ trợ giáo dục và các chương trình từ thiện, hoạt động xã hội tại TP. Cần Thơ và các khu vực lân cận.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Hiện nay, Công ty chưa triển khai các chương trình huy động vốn thông qua cơ chế thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Công ty luôn theo dõi sát sao các văn bản hướng dẫn và chủ trương của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, sẵn sàng nghiên cứu và tham gia khi có điều kiện phù hợp.





1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Kế hoạch phát triển trong tương lai
4. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2025

Năm 2025 tiếp tục là một năm đầy thách thức đối với Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An (TAR) khi các chỉ tiêu kinh doanh chính đều có sự sụt giảm về quy mô, tuy nhiên đã có những tín hiệu tích cực trong việc kiểm soát hiệu quả hoạt động và thu hẹp mức độ thua lỗ. Doanh thu thuần năm 2025 đạt 2.385.984 triệu đồng, giảm mạnh 43,67% so với cùng kỳ năm 2024 và chỉ hoàn thành 56,81% so với kế hoạch đề ra (4.200 tỷ đồng). Sự sụt giảm này chủ yếu đến từ việc công ty chủ động thu hẹp quy mô giao dịch để tập trung vào các mảng kinh doanh có biên lợi nhuận tốt hơn và tái cấu trúc danh mục khách hàng. Song song đó, Tổng giá trị tài sản cũng ghi nhận mức giảm nhẹ 7,58%, xuống còn 2.416.150 triệu đồng, cho thấy xu hướng tinh gọn bảng cân đối kế toán để gia tăng tính linh hoạt tài chính.

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	TH 2025	% TH2025 KH2025	%Tăng/ Giảm so với cùng kỳ
Tổng giá trị tài sản	2.614.397	-	2.416.150	-	-7,58%
Doanh thu thuần	4.235.638	4.200.000	2.385.984	56,81%	-43,67%
Lợi nhuận gộp	113.347	-	102.984	-	-9,14%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(65.280)	-	(23.497)	-	-
Lợi nhuận khác	17.857	-	6.631	-	-62,87%
Lợi nhuận trước thuế	(47.423)	11.000	(16.866)	-153,33%	-
Lợi nhuận sau thuế	(58.147)	8.800	(24.564)	-279,14%	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(739)	-	(328)	-	-
Tỷ lệ cổ tức	-	-	-	-	-

Mặc dù doanh thu giảm sâu, Lợi nhuận gộp chỉ giảm nhẹ 9,14%, đạt 102.984 triệu đồng. Điều này phản ánh sự cải thiện đáng kể về biên lợi nhuận gộp khi tỷ lệ giảm của giá vốn hàng bán cao hơn tỷ lệ giảm doanh thu.

Điểm sáng lớn nhất trong bức tranh tài chính năm 2025 là khả năng tối ưu hóa chi phí vận hành:



Lợi nhuận thuần từ HĐKD: Mặc dù vẫn ở mức âm (-23.497 triệu đồng), nhưng đã cải thiện mạnh mẽ với mức giảm lỗ lên tới 64,01% so với năm 2024.

Lợi nhuận sau thuế: Ghi nhận mức lỗ -24.564 triệu đồng, giảm lỗ 57,76% so với mức lỗ 58 tỷ đồng của năm trước.

Dù vậy, so với kế hoạch kỳ vọng có lãi (8.800 triệu đồng), Công ty vẫn chưa đạt được mục tiêu đề ra. Nguyên nhân chủ yếu do chi phí tài chính vẫn còn hiện hữu và mảng lợi nhuận khác sụt giảm mạnh 62,87% (từ 17,8 tỷ xuống 6,6 tỷ), không còn đóng góp nhiều vào việc bù đắp lỗ cho hoạt động cốt lõi như năm trước.

Tương ứng với đà giảm lỗ, Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đã cải thiện từ mức -739 đồng (2024) lên -328 đồng (2025), tương đương mức phục hồi 55,62%. Tuy chưa mang lại lợi nhuận cho cổ đông, nhưng xu hướng thu hẹp giá trị âm EPS là minh chứng cho nỗ lực của Ban điều hành trong việc bảo vệ giá trị vốn chủ sở hữu và giảm thiểu thiệt hại cho nhà đầu tư.

Năm 2025 là giai đoạn “tích lũy và thanh lọc”. TAR đã chấp nhận hy sinh chỉ tiêu tăng trưởng doanh thu để tập trung vào mục tiêu sống còn là cắt giảm lỗ. Việc hoàn thành hơn 50% kế hoạch doanh thu nhưng giảm lỗ được hơn 57% cho thấy mô hình kinh doanh đang dần thích nghi với điều kiện thị trường mới. Trong thời gian tới, việc kiểm soát chi phí lãi vay và phục hồi thị trường xuất khẩu sẽ là chìa khóa để đưa các chỉ số lợi nhuận trở lại con số dương.

Trong năm 2025, Công ty cũng gặp một số thuận lợi và khó khăn trong quá trình hoạt động như sau:

THUẬN LỢI

CHỦ ĐỘNG NGUỒN CUNG NHỜ LIÊN KẾT SẢN XUẤT

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục phát huy hiệu quả từ mô hình liên kết sản xuất với nông dân thông qua các dự án cánh đồng lớn, qua đó chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào cả về sản lượng lẫn chất lượng. Việc kiểm soát chặt chẽ quy trình canh tác theo các tiêu chuẩn như sản phẩm sạch, hữu cơ và phát thải thấp giúp Công ty nâng cao giá trị sản phẩm, đồng thời giảm phụ thuộc vào nguồn cung bên ngoài trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động.

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU MỞ RỘNG VỚI GẠO CHẤT LƯỢNG CAO LIÊN KẾT SẢN XUẤT

Nhu cầu tiêu thụ gạo chất lượng cao tiếp tục gia tăng tại các thị trường trọng điểm như châu Âu, Mỹ và các quốc gia châu Á phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty đẩy mạnh xuất khẩu các dòng sản phẩm chủ lực như gạo thơm, gạo hữu cơ (ST24, ST25). Việc tập trung vào phân khúc cao cấp không chỉ giúp nâng cao giá trị đơn hàng mà còn góp phần củng cố vị thế thương hiệu của Công ty trên thị trường quốc tế.

GIÁ GẠO DUY TRÌ Ở MỨC TÍCH CỰC

Mặc dù có thể xuất hiện các nhịp điều chỉnh so với mức đỉnh của năm 2024, giá gạo trong năm 2025 vẫn được duy trì ở mặt bằng tương đối cao do nguồn cung toàn cầu chưa thực sự ổn định và chịu tác động từ yếu tố khí hậu. Điều này tạo điều kiện cho Công ty duy trì mức giá bán hợp lý, góp phần cải thiện doanh thu và hiệu quả kinh doanh nếu kiểm soát tốt chi phí đầu vào.

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VÀ XU HƯỚNG TIÊU DÙNG THUẬN LỢI

Chính phủ tiếp tục triển khai các chương trình phát triển vùng nguyên liệu lúa chất lượng cao, phát thải thấp, tạo nền tảng thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc mở rộng sản xuất bền vững. Đồng thời, xu hướng tiêu dùng trên thế giới ngày càng ưu tiên các sản phẩm an toàn, có truy xuất nguồn gốc rõ ràng và thân thiện với môi trường, giúp Công ty có thêm cơ hội mở rộng thị trường và nâng cao giá trị thương hiệu.

KHÓ KHĂN

CẠNH TRANH GIA TĂNG VÀ ÁP LỰC GIÁ

Trong năm 2025, thị trường gạo thế giới ghi nhận sự gia tăng cạnh tranh khi các quốc gia xuất khẩu lớn từng áp dụng chính sách hạn chế như Ấn Độ bắt đầu quay trở lại thị trường, kéo theo nguồn cung tăng lên. Điều này tạo áp lực giảm giá và buộc các doanh nghiệp xuất khẩu, trong đó có Công ty, phải đối mặt với cạnh tranh gay gắt hơn về giá bán và thị phần.

NHU CẦU TẠI MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG CHỦ LỰC SUY GIẢM

Xuất khẩu gạo của Công ty vẫn phụ thuộc đáng kể vào một số thị trường truyền thống như Trung Quốc, Philippines. Trong trường hợp các thị trường này điều chỉnh chính sách nhập khẩu hoặc suy giảm nhu cầu, hoạt động tiêu thụ của Công ty có thể bị ảnh hưởng, đồng thời làm gia tăng rủi ro trong việc duy trì tăng trưởng ổn định.

CHI PHÍ VẬN CHUYỂN VÀ LÃI SUẤT CÒN LÀ THÁCH THỨC

Mặc dù có xu hướng ổn định hơn so với năm trước, chi phí logistics và lãi suất trong năm 2025 vẫn duy trì ở mức tương đối cao, đặc biệt đối với các doanh nghiệp có nhu cầu vốn lưu động lớn như Công ty. Điều này làm gia tăng chi phí tài chính và ảnh hưởng đến biên lợi nhuận nếu không có các biện pháp quản trị chi phí hiệu quả.

NHU CẦU TẠI MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG CHỦ LỰC SUY GIẢM

Biến đổi khí hậu tiếp tục là yếu tố rủi ro lớn đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp tại Đồng bằng sông Cửu Long – vùng nguyên liệu chính của Công ty. Các hiện tượng như hạn hán, xâm nhập mặn và thời tiết cực đoan không chỉ ảnh hưởng đến năng suất mà còn tác động đến chất lượng sản phẩm, qua đó có thể làm gia tăng chi phí sản xuất và rủi ro trong việc duy trì nguồn cung ổn định.

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Duy trì và cải tiến cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Trong năm 2025, Trung An tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức ổn định và các chính sách quản lý đã được hoàn thiện trong các năm trước, đồng thời từng bước rà soát, điều chỉnh nhằm phù hợp với bối cảnh thị trường có nhiều biến động. Sự ổn định trong bộ máy quản trị đã tạo nền tảng để Công ty chủ động thích ứng với giai đoạn điều chỉnh của ngành lúa gạo, khi giá gạo thế giới hạ nhiệt và nhu cầu xuất khẩu suy giảm.

Trên cơ sở đó, Công ty tập trung tối ưu hóa quy trình vận hành, nâng cao hiệu quả quản trị nội bộ và kiểm soát chi phí, góp phần giảm áp lực lên kết quả kinh doanh trong năm.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và phát triển bền vững

Trung An tiếp tục theo đuổi định hướng “Quy trình xanh – Sản phẩm sạch”, từng bước đầu tư và ứng dụng công nghệ vào sản xuất và chế biến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và tối ưu chi phí.

Công ty cũng tích cực tham gia các chương trình phát triển nông nghiệp bền vững, hướng tới sản xuất lúa chất lượng cao, giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Các giải pháp canh tác thân thiện môi trường không chỉ góp phần nâng cao giá trị sản phẩm mà còn đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường xuất khẩu.

Hoàn thiện hệ thống KPIs và nâng cao hiệu quả công việc

Bước sang năm 2025, Trung An tiếp tục hoàn thiện và áp dụng sâu rộng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (KPIs) đối với toàn bộ cán bộ, nhân viên, bao gồm cả cấp quản lý. Các chỉ tiêu được xây dựng theo hướng cụ thể, định lượng rõ ràng và gắn chặt với mục tiêu hoạt động của từng bộ phận.

Việc triển khai đồng bộ hệ thống KPIs kết hợp với cơ chế giao việc và báo cáo định kỳ đã giúp nâng cao tính chủ động, trách nhiệm của người lao động, đồng thời tạo cơ sở minh bạch trong đánh giá, đãi ngộ. Qua đó, hiệu quả công việc từng bước được cải thiện, góp phần hỗ trợ Công ty trong quá trình tái cơ cấu hoạt động.

Tăng cường năng lực quản lý và điều hành

Trong bối cảnh hoạt động kinh doanh năm 2025 còn nhiều khó khăn, Công ty đã chú trọng nâng cao năng lực quản lý và điều hành thông qua việc chuẩn hóa quy trình và tăng cường tính minh bạch trong quản trị.

Các quyết định điều hành được triển khai linh hoạt, phù hợp với diễn biến thị trường, đặc biệt trong việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất, tiêu thụ và kiểm soát chi phí. Nhờ đó, dù doanh thu suy giảm, Công ty vẫn từng bước cải thiện kết quả kinh doanh, thể hiện qua việc thu hẹp mức lỗ so với năm trước.

Đồng thời, chuỗi cung ứng từ vùng nguyên liệu đến chế biến và xuất khẩu tiếp tục được rà soát, tối ưu nhằm nâng cao hiệu quả vận hành và đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế

Trong năm 2025, trước sự gia tăng cạnh tranh và biến động giá trên thị trường quốc tế, Trung An tập trung củng cố các thị trường truyền thống và từng bước mở rộng thị trường mới.

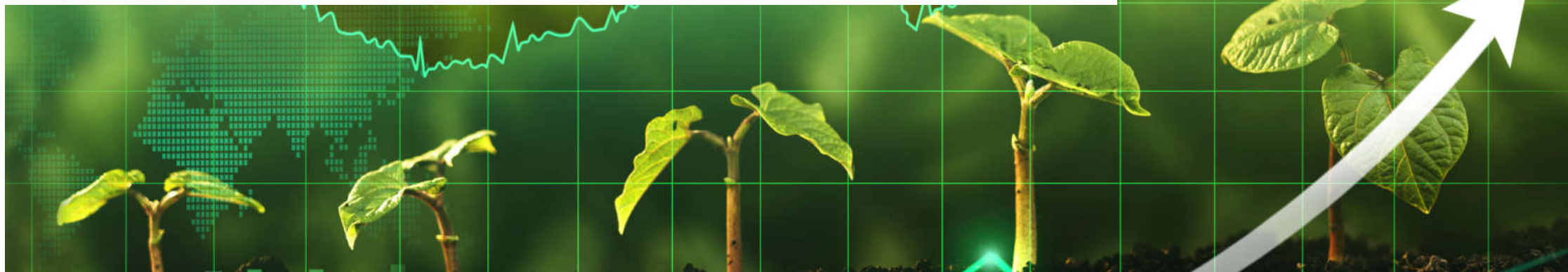
Công ty tiếp tục phát triển các dòng sản phẩm gạo chất lượng cao, gạo thơm và gạo hữu cơ nhằm gia tăng giá trị xuất khẩu. Đồng thời, việc duy trì quan hệ với các đối tác chiến lược và nâng cao chất lượng dịch vụ giúp Công ty giữ vững vị thế trên thị trường, dù quy mô xuất khẩu có sự sụt giảm so với năm trước.

Thúc đẩy tinh thần đoàn kết và động lực làm việc của nhân viên

Các chính sách quản trị và hệ thống đánh giá hiệu quả công việc được hoàn thiện đã góp phần xây dựng môi trường làm việc minh bạch, chuyên nghiệp hơn trong năm 2025.

Trong bối cảnh doanh nghiệp đối mặt với nhiều thách thức, tinh thần đoàn kết và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, nhân viên tiếp tục được phát huy, trở thành yếu tố quan trọng giúp Công ty ổn định hoạt động và từng bước cải thiện hiệu quả kinh doanh.

Việc duy trì động lực làm việc và gắn kết nội bộ được xem là nền tảng để Trung An vượt qua giai đoạn khó khăn và hướng tới phục hồi tăng trưởng trong các năm tiếp theo.

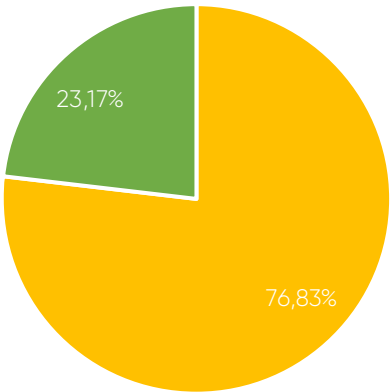


TÌNH HÌNH TÀI SẢN

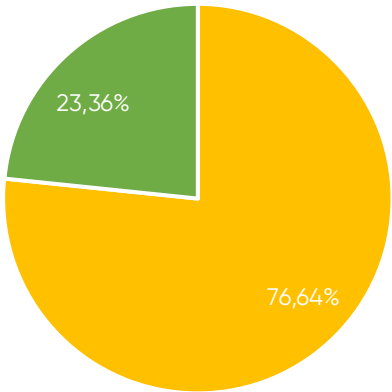
ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	2.608.896	79,60%	1.851.719	76,64%	-7,81%
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.626	0,06%	2.028	0,08%	24,73%
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.726.684	66,05%	1.599.818	66,21%	-7,35%
Hàng tồn kho	258.234	9,88%	234.867	9,72%	-9,05%
Tài sản ngắn hạn khác	21.971	0,84%	15.006	0,62%	-31,70%
Tài sản dài hạn	605.883	23,17%	564.432	23,36%	-6,84%
Tài sản cố định	580.994	22,22%	540.196	22,36%	-7,02%
Tài sản dở dang dài hạn	7.435	0,28%	7.476	0,31%	0,55%
Đầu tư tài chính dài hạn	14.758	0,56%	14.758	0,61%	0,00%
Tài sản dài hạn khác	2.697	0,10%	2.002	0,08%	-25,77%
Tổng tài sản	2.614.397	100%	2.416.151	100,00%	-7,58%

NĂM 2024



NĂM 2025



Tài sản ngắn hạn Tài sản dài hạn

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản của Công ty đạt 2.416.151 triệu đồng, giảm 7,58% so với năm 2024, phản ánh xu hướng thu hẹp quy mô tài sản trong bối cảnh Công ty chủ động điều chỉnh hoạt động kinh doanh và quản trị vốn lưu động.

Tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng chủ đạo với 76,64% tổng tài sản, đạt 1.851.719 triệu đồng, giảm 7,81% so với năm trước. Trong đó, các khoản phải thu ngắn hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất (66,21% tổng tài sản), đạt 1.599.818 triệu đồng, giảm 7,35%, cho thấy Công ty đã có những cải thiện nhất định trong công tác thu hồi công nợ nhưng vẫn duy trì mức độ phụ thuộc cao vào tín dụng thương mại. Hàng tồn kho đạt 234.867 triệu đồng, giảm 9,05%, phản ánh việc kiểm soát tồn kho hiệu quả hơn, phù hợp với diễn biến thị trường. Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 24,73% nhưng vẫn chiếm tỷ trọng rất nhỏ (0,08%), cho thấy khả năng thanh khoản tức thời chưa thực sự dồi dào. Các tài sản ngắn hạn khác giảm mạnh 31,70%, góp phần làm giảm quy mô tài sản lưu động.

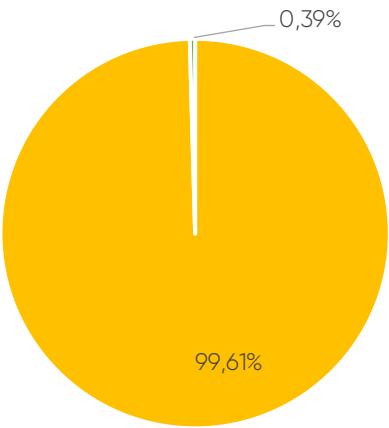
Tài sản dài hạn đạt 564.432 triệu đồng, giảm 6,84% so với năm 2024, chiếm 23,36% tổng tài sản. Trong đó, tài sản cố định chiếm tỷ trọng lớn (22,36%), giảm 7,02%, chủ yếu do trích khấu hao trong kỳ và chưa có sự gia tăng đáng kể về đầu tư mới. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn giữ nguyên, trong khi tài sản dở dang dài hạn tăng nhẹ 0,55%, cho thấy Công ty vẫn duy trì một số dự án đầu tư nhưng với quy mô không lớn. Nhìn chung, cơ cấu tài sản của Công ty vẫn ổn định, tuy nhiên có xu hướng thu hẹp và tập trung vào quản trị hiệu quả tài sản hiện hữu thay vì mở rộng đầu tư.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

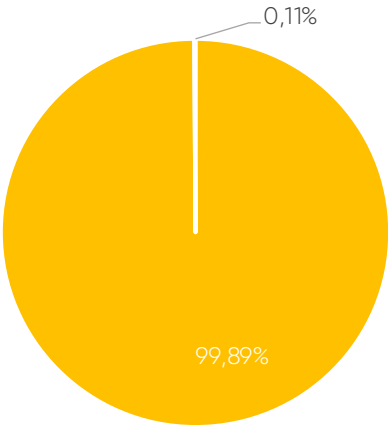
ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	1.416.847	99,61%	1.247.320	99,89%	-11,97%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.115	0,57%	9.515	0,76%	17,26%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	100.797	7,09%	64.247	5,15%	-36,26%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.856	0,41%	6.656	0,53%	13,65%
Phải trả người lao động	680	0,05%	435	0,03%	-36,07%
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.308	0,23%	9.325	0,75%	181,88%
Phải trả ngắn hạn khác	225	0,02%	566	0,05%	152,08%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.297.865	91,25%	1.156.576	92,63%	-10,89%
Nợ dài hạn	5.488	0,39%	1.332	0,11%	-75,73%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	4.174	0,29%	-	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.314	0,09%	1.332	0,11%	1,41%
Tổng nợ phải trả	1.422.334	100%	1.248.652	100%	-12,21%

NĂM 2024



NĂM 2025



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn

Tổng nợ phải trả tại thời điểm cuối năm 2025 đạt 1.248.652 triệu đồng, giảm 12,21% so với năm 2024, cho thấy Công ty đã có sự chủ động trong việc giảm đòn bẩy tài chính và kiểm soát nghĩa vụ nợ.

Nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng nợ (99,89%), đạt 1.247.320 triệu đồng, giảm 11,97%. Trong đó, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tiếp tục là khoản mục chủ yếu với 1.156.576 triệu đồng (chiếm 92,63% tổng nợ), giảm 10,89%, cho thấy Công ty đã giảm bớt áp lực vay vốn ngắn hạn nhưng vẫn phụ thuộc đáng kể vào nguồn vốn tín dụng. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn tăng 17,26%, phản ánh việc gia tăng sử dụng tín dụng thương mại từ nhà cung cấp. Ngược lại, người mua trả tiền trước giảm mạnh 36,26%, có thể cho thấy nhu cầu đặt hàng trước từ khách hàng suy giảm hoặc thay đổi chính sách bán hàng. Chi phí phải trả ngắn hạn và các khoản phải trả khác tăng mạnh lần lượt 181,88% và 152,08%, cần được theo dõi do có thể tạo áp lực thanh toán trong ngắn hạn.

Nợ dài hạn giảm mạnh 75,73%, chỉ còn 1.332 triệu đồng và gần như không còn dư nợ vay dài hạn, cho thấy Công ty đã tắt toán hoặc cơ cấu lại các khoản vay dài hạn trong năm. Điều này giúp giảm áp lực lãi vay dài hạn nhưng đồng thời làm gia tăng sự phụ thuộc vào nợ ngắn hạn trong cơ cấu nguồn vốn.



Trong năm 2025, nhằm bảo đảm tính nhất quán với định hướng phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Trung An tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức và hệ thống chính sách quản lý ổn định, kế thừa từ các năm trước. Sự ổn định này không chỉ giúp hoạt động vận hành diễn ra thông suốt mà còn tạo nền tảng vững chắc để Công ty triển khai các mục tiêu chiến lược trong trung và dài hạn.

Đồng thời, Công ty tiếp tục hoàn thiện và triển



viên có điều kiện lập kế hoạch công việc hiệu quả hơn, phát huy năng lực chuyên môn và cải thiện năng suất lao động, đồng thời được ghi nhận, đãi ngộ tương xứng với mức độ đóng góp. Thông qua việc từng bước nâng cao tính chuyên nghiệp trong quản trị và tăng cường hiệu quả điều hành, Trung An trong năm 2025 tiếp tục củng cố nền tảng vận hành ổn định, tạo tiền đề cho quá trình cải cách quản trị và hướng tới phát triển bền vững trong các giai đoạn tiếp theo.

khai sâu rộng hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công việc (KPIs) trên toàn bộ hệ thống, bao gồm cả đội ngũ quản lý. Hệ thống KPIs được xây dựng theo hướng minh bạch, có thể đo lường và gắn chặt với trách nhiệm của từng vị trí, qua đó nâng cao tính chủ động và tinh thần trách nhiệm của người lao động.

Việc tích hợp KPIs với quy trình giao việc, thời hạn thực hiện, cơ chế báo cáo và chính sách lương – thưởng theo kết quả đã góp phần chuẩn hóa công tác quản trị nhân sự. Nhờ đó, cán bộ nhân



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

STT	Chỉ tiêu	Năm 2026	
		Riêng	Hợp nhất
1	Doanh thu thuần	3.000 tỷ đồng	3.500 tỷ đồng
2	Lợi nhuận sau thuế	10 tỷ đồng	12 tỷ đồng

TRIỂN VỌNG VÀ DỰ ĐỊA TĂNG TRƯỞNG NĂM 2026

 DỰ BÁO CUNG - CẦU

Bước sang năm 2026, thị trường lúa gạo toàn cầu được dự báo tiếp tục duy trì trạng thái cân bằng tương đối, sau giai đoạn biến động mạnh trong các năm trước. Theo các tổ chức quốc tế, nhu cầu tiêu thụ gạo vẫn duy trì ở mức cao, đặc biệt tại khu vực châu Á và châu Phi, trong đó Philippines và Indonesia tiếp tục là các thị trường nhập khẩu trọng điểm.

Tuy nhiên, nguồn cung toàn cầu được cải thiện đáng kể khi các quốc gia xuất khẩu lớn như Ấn Độ, Thái Lan và Pakistan duy trì sản lượng ổn định. Điều này khiến giá gạo có xu hướng ổn định hoặc biến động trong biên độ hẹp, không còn duy trì mức cao như năm 2024, tạo áp lực cạnh tranh về giá đối với các doanh nghiệp xuất khẩu.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam vẫn giữ vai trò là một trong những quốc gia xuất khẩu gạo hàng đầu, với lợi thế về chất lượng sản phẩm và năng lực cung ứng ổn định.



CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

CƠ HỘI

- » Xu hướng tiêu dùng toàn cầu tiếp tục chuyển dịch sang các sản phẩm gạo chất lượng cao, gạo thơm và gạo hữu cơ, phù hợp với định hướng phát triển của Trung An;
- » Nhu cầu nhập khẩu ổn định từ các thị trường truyền thống như Philippines, Indonesia, châu Phi;
- » Các chương trình phát triển nông nghiệp bền vững của Chính phủ (như đề án lúa chất lượng cao, phát thải thấp) tạo nền tảng nâng cao giá trị ngành;
- » Dư địa mở rộng sang các thị trường có giá trị cao như châu Âu, Trung Đông.

THÁCH THỨC

- » Áp lực cạnh tranh gia tăng từ các quốc gia xuất khẩu lớn, đặc biệt là Ấn Độ với lợi thế giá thấp;
- » Biên lợi nhuận tiếp tục chịu áp lực khi giá gạo khó tăng mạnh trong ngắn hạn;
- » Rủi ro từ biến đổi khí hậu, chi phí đầu vào và logistics vẫn ở mức cao;
- » Yêu cầu ngày càng khắt khe từ các thị trường nhập khẩu về chất lượng và truy xuất nguồn gốc.

Theo đó, dự kiến trong năm 2026, Công ty triển khai đầu tư các dự án. Trong đó cụ thể như sau:

Phát triển nguồn nhân lực

Trung An tiếp tục xác định nguồn nhân lực là yếu tố then chốt trong chiến lược phát triển dài hạn. Trong năm 2026, Công ty tập trung:

- » Nâng cao năng lực đội ngũ quản lý thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu;
- » Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, khuyến khích đổi mới sáng tạo;
- » Phát triển văn hóa doanh nghiệp gắn kết, tạo động lực làm việc và giữ chân nhân sự chất lượng cao.

Chiến lược tài chính

Trong bối cảnh cần củng cố nền tảng tài chính sau giai đoạn khó khăn, Công ty định hướng:

- » Nâng cao năng lực đội ngũ quản lý thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu;
- » Tái cơ cấu nguồn vốn theo hướng tăng tỷ trọng vốn trung và dài hạn, giảm áp lực thanh toán ngắn hạn;
- » Kiểm soát chặt chẽ chi phí tài chính, từng bước giảm dư nợ vay;
- » Tận dụng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp;
- » Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo an toàn tài chính và tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững.

Hoạt động sản xuất – kinh doanh

Ban Điều hành tiếp tục tập trung củng cố hoạt động kinh doanh cốt lõi, nâng cao hiệu quả sản xuất và xuất khẩu. Trong bối cảnh thị trường cạnh tranh cao, Công ty định hướng:

- » Tăng cường liên kết với nông dân, ổn định vùng nguyên liệu và đảm bảo chất lượng đầu vào;
- » Điều hành linh hoạt chính sách giá mua – bán nhằm cân đối lợi ích giữa Công ty và người sản xuất;
- » Duy trì và phát triển quan hệ với khách hàng hiện hữu, đồng thời mở rộng thị trường xuất khẩu mới;
- » Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị và vận hành nhằm tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Mở rộng ngành nghề và phát triển chuỗi giá trị

Trong năm 2026, Trung An tiếp tục định hướng mở rộng chuỗi giá trị trong lĩnh vực lương thực theo hướng đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ. Bên cạnh hoạt động cốt lõi là sản xuất và xuất khẩu gạo, Công ty từng bước khai thác hiệu quả vùng nguyên liệu hiện có, kết hợp phát triển mô hình nông nghiệp sinh thái và du lịch trải nghiệm.

Việc quy hoạch các khu vực trồng cây ăn trái, cây dược liệu và bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên không chỉ góp phần gia tăng giá trị sử dụng đất mà còn mở ra nguồn thu mới, hỗ trợ chiến lược phát triển bền vững. Đồng thời, Công ty tiếp tục phát triển các sản phẩm chế biến sâu từ gạo như bún, phở khô, bột gạo nhằm nâng cao giá trị gia tăng.

Đánh giá triển vọng

Năm 2026 được kỳ vọng là giai đoạn ổn định và từng bước phục hồi đối với Trung An sau giai đoạn điều chỉnh mạnh về doanh thu và lợi nhuận trong năm 2025. Với nền tảng đã được củng cố, cùng định hướng phát triển theo chiều sâu và bền vững, Công ty có cơ hội cải thiện hiệu quả hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Tuy nhiên, để tận dụng tốt các cơ hội, Trung An cần tiếp tục kiên định với chiến lược kiểm soát chi phí, nâng cao giá trị sản phẩm và đa dạng hóa thị trường, qua đó hướng tới tăng trưởng ổn định và bền vững trong các năm tiếp theo.

Về các dự án đang thực hiện, bước sang năm 2026, Công ty định hướng đẩy nhanh tiến độ phê duyệt và triển khai các dự án nêu trên. Cụ thể, dự kiến trong khoảng tháng 4/2026, các dự án vùng lúa tại An Gi-ang và Cần Thơ sẽ được cơ quan có thẩm quyền xem xét phê duyệt, tạo điều kiện để Công ty triển khai thực tế vùng nguyên liệu quy mô lớn, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng cao và phát thải thấp. Đồng thời, Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý, huy động nguồn lực và lựa chọn đối tác phù hợp để triển khai các dự án nhà máy xử lý rác thải phát điện khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận. Các hoạt động đầu tư trong năm 2026 sẽ được thực hiện theo hướng thận trọng, hiệu quả và phù hợp với năng lực tài chính của Công ty.

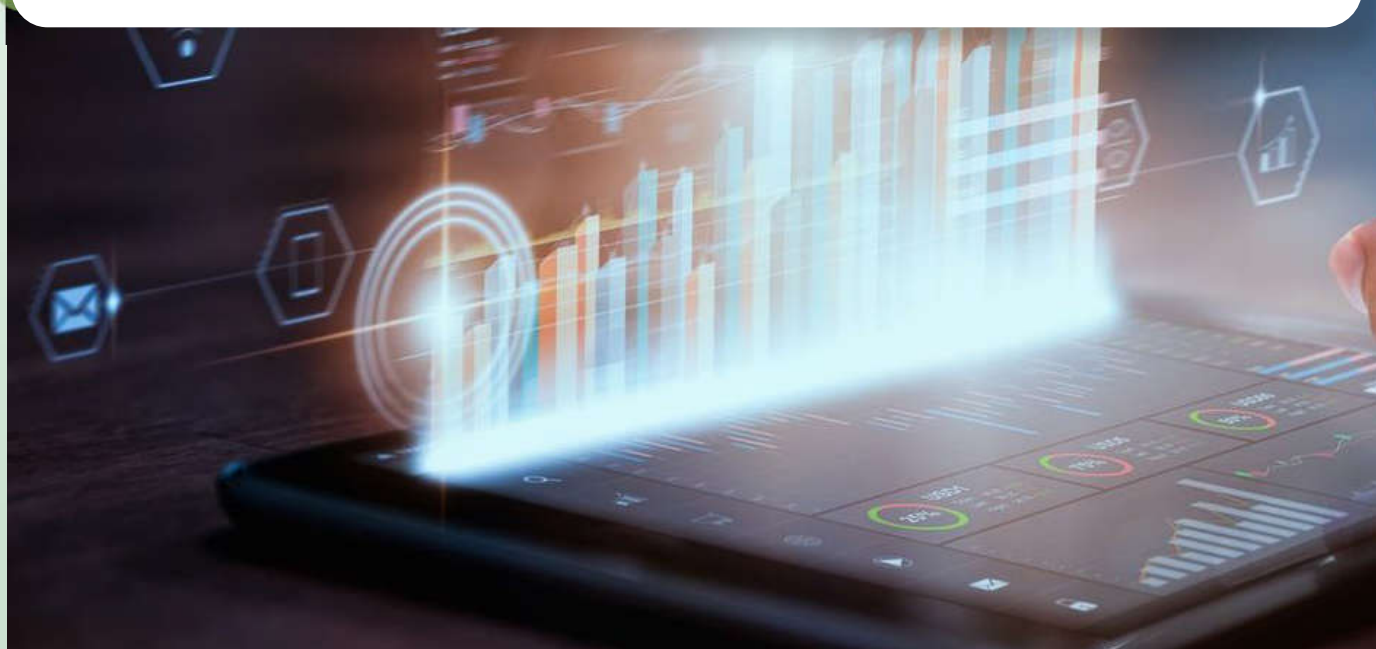
Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 của Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Công Nghệ Cao Trung An được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía nam (AASCS) với kết quả Báo cáo là “Ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, cụ thể:

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

“Hiện tại, Công ty đang chờ kết quả xác minh của cơ quan chức năng về các vấn đề được nêu trong Kết luận thanh tra của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 13/09/2023 bao gồm: Chủ sở hữu của 15 triệu cổ phiếu TAR trong đợt chào bán cổ phiếu hợp nhất lẻ của Công ty; Việc lập hồ sơ đăng ký chào bán hợp nhất lẻ năm 2021. Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, các vấn đề nêu trên vẫn chưa được xử lý và tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Công ty.”

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến đơn vị kiểm toán, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

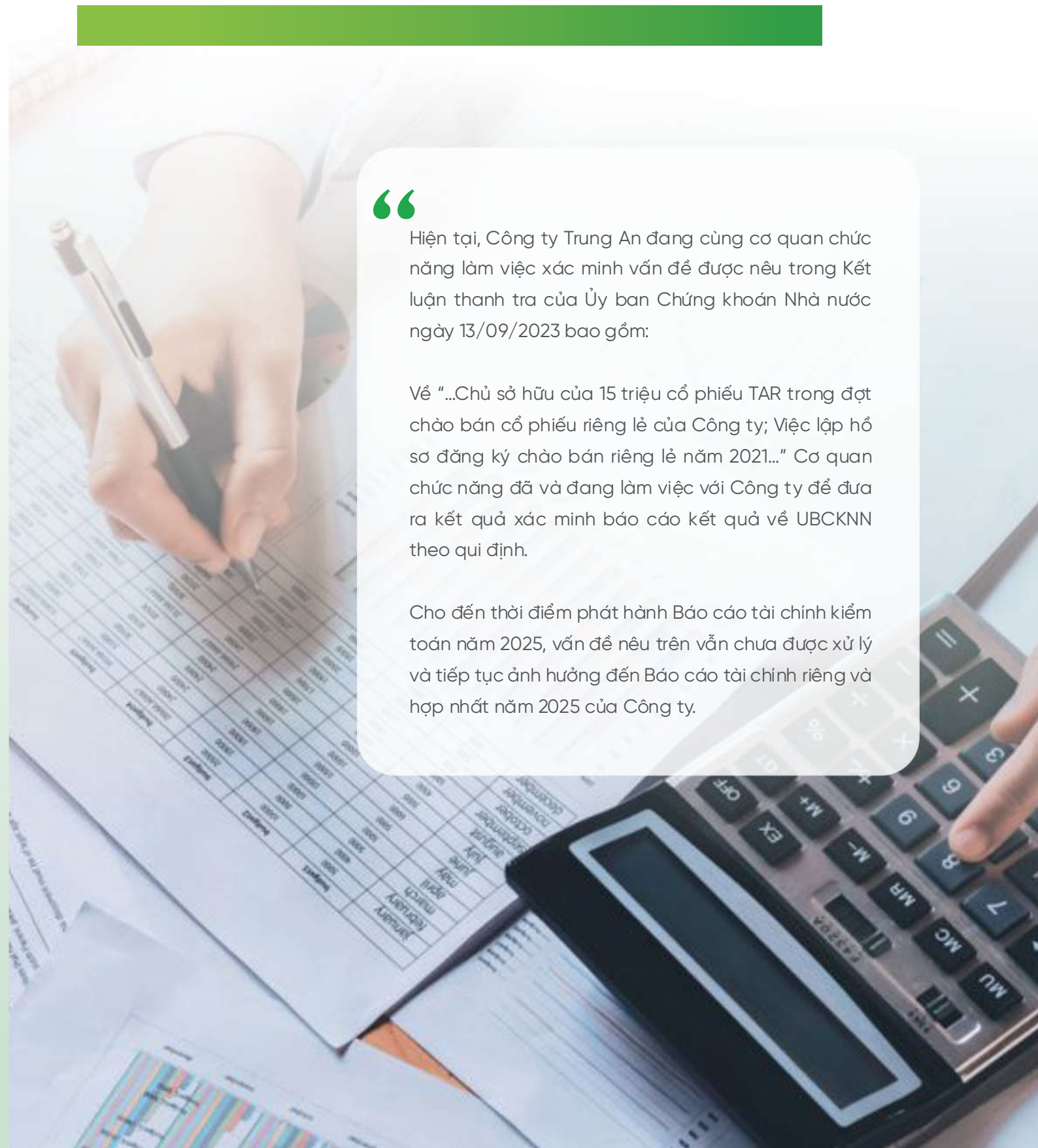


“

Hiện tại, Công ty Trung An đang cùng cơ quan chức năng làm việc xác minh vấn đề được nêu trong Kết luận thanh tra của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 13/09/2023 bao gồm:

Về “...Chủ sở hữu của 15 triệu cổ phiếu TAR trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty; Việc lập hồ sơ đăng ký chào bán riêng lẻ năm 2021...” Cơ quan chức năng đã và đang làm việc với Công ty để đưa ra kết quả xác minh báo cáo kết quả về UBCKNN theo qui định.

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025, vấn đề nêu trên vẫn chưa được xử lý và tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 của Công ty.





ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG (TIÊU THỤ NƯỚC, NĂNG LƯỢNG, PHÁT THẢI...)

Trong năm 2025, Trung An tiếp tục triển khai các chính sách thể hiện trách nhiệm với môi trường trong hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

- » **Quản lý tài nguyên nước:** Tối ưu hiệu suất tiêu thụ nước trong các hoạt động sản xuất và sinh hoạt
- » **Xử lý chất thải:** Thực hiện xử lý rơm rạ và chất thải theo quy định, đồng thời hướng dẫn nông dân tiêu hủy vật tư nông nghiệp đúng cách để tránh ô nhiễm môi trường.
- » **Sử dụng năng lượng tái tạo:** Trang bị hệ thống năng lượng mặt trời tại các nhà máy sản xuất, góp phần giảm thiểu lượng khí thải nhà kính
- » **Tuân thủ quy định pháp luật:** Đảm bảo tất cả các hoạt động sản xuất và xử lý chất thải đều tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

Những hành động này thể hiện cam kết của Trung An trong việc phát triển bền vững và bảo vệ môi trường sống cho cộng đồng.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trung An cam kết phát triển cùng cộng đồng thông qua các hoạt động như:

- » Hỗ trợ giáo dục: Đóng góp vào các quỹ học bổng địa phương nhằm hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong việc tiếp cận giáo dục.
- » Hoạt động thiện nguyện: Tổ chức các chương trình tặng gạo cứu trợ cho các địa phương chịu thiệt hại do thiên tai và hỗ trợ công tác xóa đói giảm nghèo.
- » Phát triển nông nghiệp bền vững: Hướng dẫn nông dân trong các mô hình liên kết về kỹ thuật canh tác và quản lý đồng ruộng, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và bảo vệ môi trường.

Thông qua những hoạt động này, Trung An thể hiện trách nhiệm xã hội và sự gắn bó với cộng đồng địa phương, góp phần xây dựng một xã hội phát triển bền vững và nhân văn.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trung An đặt con người là trung tâm trong chiến lược phát triển, với các chính sách cụ thể như:

Chính sách phúc lợi: Bảo đảm quyền lợi cho nhân viên thông qua việc ký hợp đồng lao động đầy đủ và tham gia các chế độ BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định pháp luật.

Đào tạo và phát triển: Tổ chức các khóa học nâng cao kỹ năng và kiến thức chuyên môn, giúp nhân viên đáp ứng tốt yêu cầu công việc và mở rộng cơ hội thăng tiến trong sự nghiệp.

Chăm sóc đời sống tinh thần: Triển khai các hoạt động tập thể và quan tâm đời sống tinh thần, xây dựng môi trường làm việc tích cực, gắn kết và thân thiện.

Những nỗ lực này nhằm xây dựng một đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động và gắn bó lâu dài với công ty.





[Redacted]

[Redacted]

[Redacted]

[Redacted]

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị (HĐQT) đánh giá Công ty đã duy trì hoạt động ổn định trong bối cảnh thị trường lúa gạo có nhiều biến động bất lợi. Doanh thu và quy mô hoạt động có sự sụt giảm so với năm trước, tuy nhiên Công ty đã có những nỗ lực đáng ghi nhận trong việc kiểm soát chi phí và từng bước cải thiện hiệu quả kinh doanh.

Về môi trường, Trung An tiếp tục triển khai các mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững, tăng cường quản lý tài nguyên và kiểm soát phát thải. Các hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy được vận hành ổn định, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật. Công ty đồng thời từng bước áp dụng các giải pháp sản xuất thân thiện môi trường, phù hợp với định hướng phát triển bền vững của ngành.

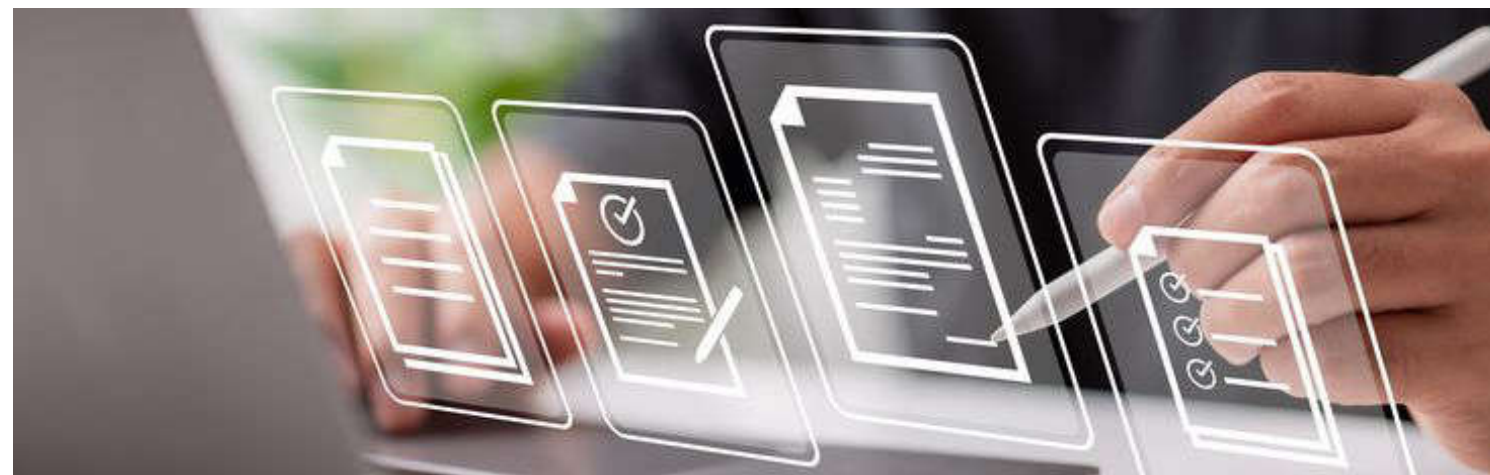
Về trách nhiệm xã hội, Công ty duy trì các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, đặc biệt trong chuỗi liên kết với nông dân. Các chương trình đào tạo kỹ thuật, hỗ trợ sản xuất và bao tiêu sản phẩm tiếp tục được triển khai, góp phần ổn định thu nhập cho người nông dân. Bên cạnh đó, Công ty tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội tại địa phương.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

HĐQT ghi nhận sự chủ động của Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất – kinh doanh trong năm 2025, khi thị trường đối mặt với nhiều thách thức như giá gạo giảm và cạnh tranh gia tăng.

Ban Điều hành đã kịp thời điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, tập trung kiểm soát chi phí, tối ưu vận hành và duy trì quan hệ với các khách hàng, đối tác. Nhờ đó, dù kết quả kinh doanh chưa đạt kế hoạch đề ra, Công ty đã từng bước thu hẹp mức lỗ và ổn định hoạt động.

Công tác quản trị nội bộ tiếp tục được cải thiện thông qua việc áp dụng hệ thống KPIs và nâng cao hiệu quả quản lý nhân sự. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn khó khăn và chuẩn bị cho quá trình phục hồi.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CƠ HỘI

- » Nhu cầu tiêu thụ gạo toàn cầu tiếp tục duy trì ổn định, đặc biệt tại các thị trường truyền thống như Philippines, Indonesia và khu vực châu Phi;
- » Xu hướng tiêu dùng chuyển dịch sang gạo chất lượng cao, gạo thơm và sản phẩm thân thiện môi trường phù hợp với định hướng phát triển của Công ty;
- » Các chính sách hỗ trợ của Chính phủ trong phát triển nông nghiệp bền vững và chuyển đổi số tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh.

THÁCH THỨC

- » Giá gạo thế giới dự kiến duy trì ở mức ổn định nhưng khó tăng mạnh do nguồn cung toàn cầu dồi dào;
- » Cạnh tranh gia tăng từ các quốc gia xuất khẩu lớn như Ấn Độ, Thái Lan và Pakistan;
- » Yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn môi trường từ các thị trường nhập khẩu;
- » Áp lực chi phí đầu vào và chi phí tài chính tiếp tục ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trên cơ sở đánh giá bối cảnh thị trường, HĐQT xác định năm 2026 là giai đoạn củng cố nền tảng và từng bước phục hồi tăng trưởng, với các định hướng trọng tâm sau:

- » Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu: Giảm sự phụ thuộc vào các thị trường truyền thống, mở rộng sang các thị trường tiềm năng nhằm phân tán rủi ro;
- » Phát triển sản phẩm giá trị gia tăng: Tăng tỷ trọng gạo chất lượng cao, gạo thơm và các sản phẩm chế biến sâu để nâng cao biên lợi nhuận;
- » Tăng cường liên kết sản xuất: Mở rộng vùng nguyên liệu và củng cố hợp tác với nông dân nhằm đảm bảo nguồn cung ổn định, chất lượng cao;
- » Đẩy mạnh chuyển đổi số: Ứng dụng công nghệ trong quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc và điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động;
- » Củng cố nền tảng tài chính: Tái cơ cấu nguồn vốn, kiểm soát chi phí tài chính và giảm áp lực nợ vay, hướng tới đảm bảo an toàn tài chính dài hạn.

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2026

Trên cơ sở đánh giá kết quả triển khai các dự án trong giai đoạn trước, Hội đồng quản trị định hướng năm 2026 sẽ là năm tập trung chuyển dịch từ giai đoạn chuẩn bị sang triển khai thực chất đối với các dự án trọng điểm, đồng thời đảm bảo cân đối giữa tăng trưởng và an toàn tài chính.



Đối với Dự án

Cụm nhà máy thu mua chế biến gạo xuất khẩu phục vụ Vùng lúa chất lượng cao 15.000 ha tại tỉnh Phú Yên, HĐQT xác định ưu tiên nguồn lực để từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng và tổ chức vận hành, hướng tới hình thành trung tâm chế biến gắn với vùng nguyên liệu tập trung, qua đó nâng cao giá trị gia tăng và khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn xuất khẩu.



Đối với các dự án trong lĩnh vực năng lượng và môi trường gồm Dự án

Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt và phát điện Trung An tại Phú Yên và Dự án: Nhà máy phát điện sử dụng rác thải sinh rắn Sóc Trăng, HĐQT định hướng tiếp tục làm việc với các cơ quan quản lý nhằm tháo gỡ các vướng mắc về thủ tục, đồng thời đánh giá kỹ lưỡng hiệu quả đầu tư, phương án công nghệ và cấu trúc tài chính trước khi triển khai, nhằm đảm bảo tính bền vững và hiệu quả dài hạn của dự án.



Đối với các dự án phát triển vùng nguyên liệu gồm Dự án

"Vùng lúa chuyên canh chất lượng cao và phát thải thấp 20.000 ha trong Đề án 1 triệu ha tại An Giang" và Dự án: "Vùng lúa chuyên canh chất lượng cao và phát thải thấp 15.000 ha trong Đề án 1 triệu ha tại Cần Thơ", HĐQT định hướng đẩy nhanh tiến trình phê duyệt và từng bước tổ chức triển khai, gắn với việc xây dựng mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn bền vững, nâng cao khả năng truy xuất nguồn gốc và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường quốc tế.

Trong tổng thể, HĐQT nhấn mạnh việc lựa chọn dự án đầu tư phải đi đôi với hiệu quả sử dụng vốn, kiểm soát rủi ro và phù hợp với năng lực tài chính của Công ty; đồng thời tăng cường giám sát tiến độ thực hiện, đảm bảo các dự án được triển khai đúng định hướng chiến lược và đóng góp tích cực vào tăng trưởng trong các năm tiếp theo.





1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Phạm Thái Bình	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	11.000.000	14,04%
2	Lê Thị Tuyết	Thành viên HĐQT không điều hành	-	-
3	Nguyễn Lê Bảo Trang	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	-
4	Phạm Lê Khánh Hân	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	-	-
5	Lư Lệ Trân	Thành viên HĐQT độc lập	726	0,00%

THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông PHẠM THÁI BÌNH - Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc

Chi tiết tại mục Tổ chức nhân sự, phần II.

Bà LÊ THỊ TUYẾT - Thành viên HĐQT không điều hành

- Năm sinh: 1956
- Trình độ chuyên môn: 12/12
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - Từ 1976 - 1996: Đại lý thu mua lúa gạo
 - Từ 1996 -2015: Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty TNHH Trung An
 - Từ 15/05/2018 - 06/2023: Chủ tịch HĐQT CTCP Nông nghiệp Công Nghệ Cao Trung An
 - Từ 06/2023 - Nay: Thành viên HĐQT không điều hành tại Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Công nghệ cao Trung An

Bà NGUYỄN LÊ BẢO TRANG - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Chi tiết tại mục Tổ chức nhân sự, phần II.

Bà PHẠM LÊ KHÁNH HÂN - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc

Chi tiết tại mục Tổ chức nhân sự, phần II.

Bà LƯ LỆ TRÂN - Thành viên HĐQT độc lập

- Năm sinh: 1960
- Trình độ chuyên môn: 12/12
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - Từ 1980- 1996: Đại lý thu mua lúa gạo
 - Từ 1996-2006: Quản lý kho HTX Quận Thốt Nốt
 - Từ 2006-05/2016: Quản lý kho HTX Cờ Đỏ
 - Từ 05/2016 - Nay: Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP NN Công Nghệ Cao Trung An

NHỮNG THAY ĐỔI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2025

Không có

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một cán bộ giữ chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty; Khi cần thiết Hội đồng quản trị sử dụng cán bộ quản lý của Công ty để hỗ trợ các công việc cho Hội đồng quản trị.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2025, HĐQT luôn theo sát tình hình hoạt động và công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc thường xuyên thảo luận, trao đổi về các vấn đề quan trọng của Công ty và báo cáo tiến độ triển khai công việc cho HĐQT thông qua các cuộc họp hàng tuần. Do đó, việc giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện một cách chặt chẽ, kịp thời và liên tục, cụ thể như sau:



- Hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn báo cáo tài chính năm, báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính bán niên soát xét, báo cáo thường niên trong năm 2025.
- HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban Tổng giám đốc, đảm bảo các hoạt động của Công ty ổn định, an toàn, tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến quản trị Công ty và công bố thông tin đầy đủ, đúng hạn về tình hình hoạt động kinh doanh cho cổ đông, cơ quan quản lý và các bên liên quan dựa trên cơ sở minh bạch, chính xác, kịp thời.
- Xem xét phê duyệt các mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025 trình ĐHĐCĐ thông qua.
- Tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
- Tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp giao bạn định kỳ của công ty.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Điều hành chủ động tìm hiểu, giám sát, đảm bảo tuân thủ đúng quy trình thực hiện, thủ tục, quy định của pháp luật đối với giao dịch của người có liên quan theo quy định tại điểm c, khoản 46 điều 4 Luật Chứng Khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức 15 phiên họp. Tỷ lệ tham gia các phiên họp cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Phạm Thái Bình	15/15	100%
2	Bà Lê Thị Tuyết	15/15	100%
3	Bà Nguyễn Lê Bảo Trang	15/15	100%
4	Bà Phạm Lê Khánh Hân	15/15	100%
5	Bà Lư Lệ Trần	15/15	100%

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2025/TAR/NQ-HĐQT	14/01/2025	Phê duyệt chủ trương ký kết các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan năm 2025	100%
2	02/2025/TAR/NQ-HĐQT	21/03/2025	Thông qua vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thông – Chi nhánh HCM	100%
3	03/2025/TAR/NQ-HĐQT	21/03/2025	Thực hiện chỉ đạo tại BBH HĐQT số 02/2025/TAR/BB_HĐQT	100%
4	04/2025/TAR/NQ-HĐQT	25/04/2025	Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	100%
5	05/2025/TAR/NQ-HĐQT	28/04/2025	Thông qua vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thông – Chi nhánh HCM	100%
6	06/2025/TAR/NQ-HĐQT	27/06/2025	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán	100%



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
7	07/2025/TAR/NQ-HĐQT	31/07/2025	Thông qua về việc thanh lý xe ô tô Công ty	100%
8	08/2025/TAR/NQ-HĐQT	06/08/2025	Thông qua về việc phê duyệt chủ trương ký kết các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tác, khách hàng	100%
9	09/2025/TAR/NQ-HĐQT	07/08/2025	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.	100%
10	10/2025/TAR/NQ-HĐQT	17/11/2025	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.	100%
11	11/2025/TAR/NQ-HĐQT	19/11/2025	Thông qua về việc Miễn nhiệm chức vụ Người phụ trách Quản trị công ty đối với Ông Phạm Trần Thanh Tân và bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị công ty mới.	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
12	12/2025/TAR/NQ-HĐQT	20/11/2025	Thông qua về việc Nhận đơn từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát và triển khai lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028	100%
13	13/2025/TAR/NQ-HĐQT	21/11/2025	Thay thế Nghị quyết HĐQT số 12/2025/TAR/NQ-HĐQT ngày 20/11/2025	100%
14	14/2025/TAR/NQ-HĐQT	12/12/2025	Thông qua tài liệu Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2025	100%
15	15/2025/TAR/NQ-HĐQT	29/12/2025	Thông qua việc thay đổi thời gian hoàn thành chuyển nhượng Bệnh viện Tây Đô; Thông qua việc thay đổi thời gian hoàn thành cơ cấu vốn.	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

- » Hội đồng quản trị Công ty hiện có bà Lư Lệ Trân. Với năng lực chuyên môn uy tín cùng nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động chính của Công ty, bà đã đóng góp vai trò quan trọng trong việc xây dựng và thực thi các quyết sách mang tính chiến lược
- » Năm 2025, HĐQT đã thể hiện sự tham gia tích cực trong mọi quyết định và vấn đề thuộc thẩm quyền. Đặc biệt, thành viên độc lập luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong việc giám sát và đánh giá các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan. Nhờ sự góp sức của bà, HĐQT đã đảm bảo tính minh bạch, kiểm soát hiệu quả xung đột lợi ích, từ đó bảo vệ tối đa lợi ích của Công ty và cổ đông.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có





DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

Tính đến ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Huỳnh Nguyễn Thúy Vy	Trưởng BKS (Miễn nhiệm ngày 27/12/2025)	-	-
2	Phạm Trần Thanh Tân	Trưởng BKS (Bổ nhiệm ngày 27/12/2025)	-	-
3	Nguyễn Thị Ngọc Trang	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 24/06/2025)	-	-
4	Huỳnh Thị Ngọc Quyên	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 24/06/2025)	-	-
5	Nguyễn Văn Đức	Thành viên BKS		

NHỮNG THAY ĐỔI BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2025



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

- » Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật được quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp quy có liên quan; giám sát việc chấp hành Điều lệ, Quy chế tổ chức hoạt động và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, cụ thể như sau:
- » Xem xét tính phù hợp các Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc về quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty
- » Kiểm tra giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- » Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.



SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- » HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý của Công ty luôn phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các đơn vị thành viên trực thuộc TAR;
- » Định kỳ, Ban kiểm soát đã chủ động trao đổi, thống nhất với HĐQT về các nội dung, kế hoạch, kiểm tra, giám sát, phối hợp với Ban điều hành trong quá trình triển khai công tác kiểm tra, giám sát. Trưởng ban kiểm soát thường xuyên được mời tham dự các cuộc họp định kỳ của HĐQT và Ban Tổng giám đốc nhằm nắm bắt kịp thời, đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty;
- » Những ý kiến của Ban kiểm soát gửi đến HĐQT và Ban Tổng giám đốc đều được phản hồi đầy đủ và kịp thời.

Với những hoạt động hiệu quả, BKS đã góp phần đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, điều lệ và mang lại lợi ích cho cổ đông. Ban kiểm soát đã tổ chức 02 phiên họp.



STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Huỳnh Nguyễn Thúy Vy	01	01/02	Miễn nhiệm ngày 27/12/2025
2	Ông Nguyễn Văn Đức	02	02/02	
3	Bà Huỳnh Thị Ngọc Quyên	-	-	Miễn nhiệm ngày 24/06/2025
4	Bà Nguyễn Thị Ngọc Trang	02	02/02	Bổ nhiệm ngày 24/06/2025
5	Ông Phạm Trần Thanh Tân	01	01/02	Bổ nhiệm ngày 27/12/2025



LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thu nhập
1	Ông Phạm Thái Bình	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	120.000.000
2	Bà Lê Thị Tuyết	Phó Chủ tịch HĐQT không điều hành	-
3	Bà Nguyễn Lê Bảo Trang	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	195.000.000
4	Bà Phạm Lê Khánh Hân	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	192.000.000
5	Bà Lư Lệ Trân	Thành viên HĐQT độc lập	-
6	Bà Huỳnh Nguyễn Thúy Vy	Trưởng BKS	-
7	Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên BKS	100.000.000
8	Bà Huỳnh Thị Ngọc Quyên	Thành viên BKS	-
9	Bà Nguyễn Thị Ngọc Trang	Thành viên BKS	-
10	Bà Phạm Lê Khánh Huyền	Kế toán trưởng	174.000.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đồng nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Lê Bảo Trang – Tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT	-	0	0	1.128.300	1,44%	Mua



ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

HĐQT xác định nâng cao chất lượng và năng lực quản trị công ty là một nội dung quan trọng trong định hướng chiến lược của Công ty nhằm xây dựng một hệ thống quản trị vững mạnh trên cơ sở vận dụng các thông lệ quốc tế, kết hợp với sức mạnh tổng thể của các nguồn lực trong toàn hệ thống để kiểm soát, giám sát các hoạt động của công ty một cách có trách nhiệm, minh bạch và hiệu quả. Trong năm 2024, các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty và các cán bộ quản lý thường xuyên cập nhật những văn bản, quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị công ty đồng thời tích cực tham gia các buổi tập huấn, thảo luận và cập nhật kiến thức về quản trị



HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (chưa bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
1	CTCP Nông Nghiệp Công nghệ cao Trung An Kiên Giang	Công ty con	Số 1702050412 cấp lần đầu ngày 07/06/2016, thay đổi lần thứ 06 ngày, nơi cấp Sở KH-ĐT tỉnh Kiên Giang	Tổ 9, Ấp Đường Thét, Xã Bình Giang, Tỉnh An Giang	năm 2025	Nghị quyết HĐQT số 01/2025/TAR/NQ-HĐQT ngày 14/01/2025	Dịch vụ gia công sấy: 35.413.594 đồng Mua lúa, gạo, tấm, cám, phế phẩm, bao bì: 65.247.621.550 đồng Xuất bán lúa gạo: 173.446.663.000 đồng Dịch vụ thuê kho, gia công xay, sấy, tách màu lau bóng: 1.347.518.400 đồng	



1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán



Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An (tiền thân là Công ty TNHH Trung An) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần số 1800241736 cấp lần đầu ngày 16/08/1996 và thay đổi lần thứ 26 vào ngày 12/08/2025 do Sở Tài chính thành phố Cần Thơ cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 783.197.770.000 VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2025 : 783.197.770.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 649A, Quốc Lộ 91, KV Qui Thạnh 1, Phường Thuận Hưng, TP Cần Thơ.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Bán buôn thực phẩm : Chi tiết : Kinh doanh lương thực, thực phẩm, thủy sản;
- Bán buôn gạo. Chi tiết : Kinh doanh sản xuất gạo;
- Trồng lúa. Chi tiết : Trồng lúa theo mùa vụ

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An Kiên Giang	Tổ 9, Ấp Đường Théc, Xã Bình Giang, Tỉnh An Giang	67,14%	90,80%	67,14%	90,80%
Công ty TNHH MTV Xuất khẩu Gạo Trung An	Đường Nguyễn Trọng Quyền, KV Phụng Thạnh 2, Phường Thuận Hưng, Thành phố Cần Thơ	0,00%	100,00%	0,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Bất động sản Trung An	Khu vực 7, Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ	0,00%	100,00%	0,00%	100,00%
Công ty liên kết:					
Công ty TNHH Novotech - Trung Hưng	648A, Quốc lộ 91, Phường Thuận Hưng, Thành phố Cần Thơ	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Sản xuất Chế biến Kinh doanh Xuất khẩu Gạo Việt Đức	647A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Thuận Hưng, Thành phố Cần Thơ	39,00%	39,00%	39,00%	39,00%

Cơ sở đồng kiểm soát: không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An	532/21 Lê Văn Thọ, Phường An Hội Đông, TP Hồ Chí Minh
Nhà máy chế biến xuất khẩu số 4	KV Trảng Thọ 2, Phường Trung Nhứt, Thành phố Cần Thơ
Nhà máy xay lúa và chế biến xuất khẩu số 3	KV Thạnh Phước, Phường Trung Nhứt, Thành phố Cần Thơ
Nhà máy chế biến xuất khẩu số 5	KV Qui Thạnh 1, Phường Thuận Hưng, Thành phố Cần Thơ
Nhà máy chế biến gạo số 6	Đường 921, Ấp Phước Lộc, Xã Thạnh Phú, Thành phố Cần Thơ

II. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hội đồng Quản trị

Ông	PHẠM THÁI BÌNH	Chủ tịch
Bà	LÊ THỊ TUYẾT	Thành viên
Bà	PHẠM LÊ KHÁNH HÂN	Thành viên
Bà	NGUYỄN LÊ BẢO TRANG	Thành viên
Bà	LƯ LỆ TRÂN	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Ông	PHẠM TRẦN THANH TÂN	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 27/12/2025
Bà	HUỲNH NGUYỄN THUÝ VY	Trưởng Ban	Miễn nhiệm ngày 27/12/2025
Ông	NGUYỄN VĂN ĐỨC	Thành viên	
Bà	NGUYỄN THỊ NGỌC TRANG	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/06/2025
Bà	HUỲNH THỊ NGỌC QUYÊN	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/06/2025

Ban Tổng Giám đốc

Bà	NGUYỄN LÊ BẢO TRANG	Tổng Giám đốc
Ông	PHẠM THÁI BÌNH	Phó Tổng Giám đốc
Bà	PHẠM LÊ KHÁNH HÂN	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Bà	PHẠM LÊ KHÁNH HUYỀN
----	---------------------

Đại diện pháp luật

Bà	NGUYỄN LÊ BẢO TRANG
----	---------------------

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

IV. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện công tác kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

V. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất này;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2025, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VI. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Duyệt, ngày 28 tháng 03 năm 2026

TM. Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN LÊ BẢO TRANG

Tổng Giám đốc

30112
CÔNG
TNH
H VU
CHÍNH
KIỂM
PHÍA
- T.P

Kính gửi:

**Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An, được lập ngày 28/03/2026, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Hiện tại, Công ty đang chờ kết quả xác minh của cơ quan chức năng về các vấn đề được nêu trong Kết luận thanh tra của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 13/09/2023 bao gồm: Chủ sở hữu của 15 triệu cổ phiếu TAR trong đợt chào bán cổ phiếu hợp nhất lẻ của Công ty; Việc lập hồ sơ đăng ký chào bán hợp nhất lẻ năm 2021.

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, các vấn đề nêu trên vẫn chưa được xử lý và tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 là báo cáo có ý kiến "Từ chối đưa ra ý kiến" do 2 vấn đề : Cho tới hiện tại, Công ty đang chờ kết quả xác minh của cơ quan chức năng về các vấn đề được nêu trong Kết luận thanh tra của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 13/09/2023 bao gồm: Chủ sở hữu của 15 triệu cổ phiếu TAR trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty và Việc lập hồ sơ đăng ký chào bán riêng lẻ năm 2021. Thông tin liên quan đến số liệu hàng tồn kho công bố trên Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán với giá trị 1.255.542.463.892 đồng. Chúng tôi không thể đánh giá và định lượng mức độ ảnh hưởng của các vấn đề này đến các Báo cáo tài chính hợp nhất các năm kết thúc các ngày 31/12/2023 và 31/12/2024 của Công ty.

Công ty đã xử lý và khắc phục vấn đề liên quan đến số liệu hàng tồn kho được ghi nhận trên Báo cáo kiểm toán năm 2022.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Tuyết
Số GCNĐKHN Kiểm toán: 0624-2023-142-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Kiểm toán viên



Võ Thị Mỹ Hương

Số GCNĐKHN Kiểm toán: 0858-2023-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.851.718.949.507	2.008.513.956.937
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.027.785.118	1.625.857.203
Tiền	111		2.027.785.118	1.625.857.203
Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
Chứng khoán kinh doanh	121			
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.599.818.196.756	1.726.683.728.615
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	331.737.523.630	80.531.667.821
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	735.232.862.805	1.107.610.204.295
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	542.940.210.321	546.111.156.499
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(10.092.400.000)	(7.569.300.000)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	234.867.385.354	258.233.762.424
Hàng tồn kho	141		234.867.385.354	258.233.762.424
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.005.582.279	21.970.608.695
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	301.328.101	359.197.226
Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.679.886.422	21.587.043.713
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	24.367.756	24.367.756
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
Tài sản ngắn hạn khác	155			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND				
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		564.431.391.542	605.883.449.361
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
Trả trước cho người bán dài hạn	212			
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
Phải thu nội bộ dài hạn	214			
Phải thu về cho vay dài hạn	215			
Phải thu dài hạn khác	216			
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		540.196.267.643	580.993.686.743
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	462.346.951.570	481.774.034.130
- Nguyên giá	222		785.134.497.738	760.284.048.386
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(322.787.546.168)	(278.510.014.256)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11		19.922.195.608
- Nguyên giá	225			23.716.899.544
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			(3.794.703.936)
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	77.849.316.073	79.297.457.005
- Nguyên giá	228		89.913.489.381	89.913.489.381
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.064.173.308)	(10.616.032.376)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.475.694.094	7.435.158.289
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241			
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	7.475.694.094	7.435.158.289
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.4	14.757.594.756	14.757.594.756
Đầu tư vào công ty con	251			
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		14.757.594.756	14.757.594.756
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.001.835.049	2.697.009.573
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	2.001.835.049	2.697.009.573
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
Tài sản dài hạn khác	268			
Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.416.150.341.049	2.614.397.406.298

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND				
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.248.651.510.867	1.422.334.243.434
I. Nợ ngắn hạn	310		1.247.319.773.659	1.416.846.539.617
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	9.515.420.447	8.114.508.418
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	64.246.974.477	100.797.254.417
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	6.656.045.207	5.856.356.824
Phải trả người lao động	314		434.858.973	680.476.004
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	9.325.167.631	3.308.099.543
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	565.729.519	224.534.482
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	1.156.575.577.405	1.297.865.309.929
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			
Quỹ bình ổn giá	323			
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		1.331.737.208	5.487.703.817
Phải trả người bán dài hạn	331			
Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
Chi phí phải trả dài hạn	333			
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
Phải trả nội bộ dài hạn	335			
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
Phải trả dài hạn khác	337			
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12		4.174.174.318
Trái phiếu chuyển đổi	339			
Cổ phiếu ưu đãi	340			
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.331.737.208	1.313.529.499
Dự phòng phải trả dài hạn	342			
Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND				
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.167.498.830.182	1.192.063.162.864
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	1.167.498.830.182	1.192.063.162.864
Vốn góp của chủ sở hữu	411		783.197.770.000	783.197.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		783.197.770.000	783.197.770.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
Thặng dư vốn cổ phần	412		200.000.000.000	200.000.000.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
Vốn khác của chủ sở hữu	414			
Cổ phiếu quỹ	415			
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
Quỹ đầu tư phát triển	418			
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		83.255.398.081	108.975.732.919
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		108.975.732.919	166.844.837.368
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(25.720.334.838)	(57.869.104.449)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		101.045.662.101	99.889.659.945
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
Nguồn kinh phí	431			
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.416.150.341.049	2.614.397.406.298

Người lập biểu

PHẠM TRẦN THUY AN

Kế toán trưởng

PHẠM LÊ KHÁNH HUYỀN

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc

NGUYỄN LÊ BẢO TRANG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2025

Đơn vị tính: VND				
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.385.983.759.344	4.235.655.716.633
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2		17.424.500
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.385.983.759.344	4.235.638.292.133
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2.282.999.809.790	4.122.291.555.108
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		102.983.949.554	113.346.737.025
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	5.220.646.838	12.185.549.084
Chi phí tài chính	22	VI.5	86.709.605.366	132.890.426.754
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		85.744.093.465	128.880.902.122
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(21.169.513)	(21.169.513)
Chi phí bán hàng	25	VI.8	23.557.121.390	26.383.700.113
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	21.414.176.250	31.516.736.709
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(23.497.476.127)	(65.279.746.980)
Thu nhập khác	31	VI.6	7.497.348.101	19.482.365.915
Chi phí khác	32	VI.7	866.003.775	1.625.384.801
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		6.631.344.326	17.856.981.114
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(16.866.131.801)	(47.422.765.866)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	7.698.200.881	10.475.658.505
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			248.498.921
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(24.564.332.682)	(58.146.923.292)
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(25.720.334.838)	(57.869.104.449)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.156.002.156	(277.818.843)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(328)	(739)

Người lập biểu

PHẠM TRẦN THUY AN

Kế toán trưởng

PHẠM LÊ KHÁNH HUYỀN

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc

NGUYỄN LÊ BẢO TRANG

BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2025

Đơn vị tính: VND				
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(16.866.131.801)	(47.422.765.866)
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		42.477.538.331	43.669.181.990
- Các khoản dự phòng	03		2.523.100.000	7.590.469.513
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		447.021.462	788.112.618
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		303.237.610	(14.265.783.646)
- Chi phí lãi vay	06		85.744.093.465	128.880.902.122
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		114.628.859.067	119.240.116.731
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		130.434.212.105	(638.084.638.681)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		23.325.841.265	819.802.960.105
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(35.375.442.125)	(66.951.065.913)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		753.043.649	(317.694.709)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(79.387.165.448)	(129.136.958.358)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(6.898.512.498)	(8.617.320.751)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		147.480.836.015	95.935.398.424
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.989.049.808)	(4.053.911.054)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		368.000.000	
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			149.500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.692.967	3.197.305.709
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.615.356.841)	148.643.394.655

BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2025

Đơn vị tính: VND				
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
Tiền thu từ đi vay	33		1.884.797.996.025	3.201.927.417.541
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.026.087.728.549)	(3.447.545.050.504)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(4.174.174.318)	(4.174.174.320)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(7.203.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(145.463.906.842)	(256.994.807.283)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		401.572.332	(12.416.014.204)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.625.857.203	14.041.090.116
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		355.583	781.297
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	V.1	2.027.785.118	1.625.857.203

Người lập biểu

PHẠM TRẦN THÙY AN

Kế toán trưởng

PHẠM LÊ KHÁNH HUYỀN

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2026
Tổng Giám đốc

NGUYỄN LÊ BẢO TRANG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn**
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An (tiền thân là Công ty TNHH Trung An) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần số 1800241736 cấp lần đầu ngày 16/08/1996 và thay đổi lần thứ 26 vào ngày 12/08/2025 do Sở Tài chính thành phố Cần Thơ cấp.
- Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 783.197.770.000 VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2025 : 783.197.770.000 VND
Trụ sở chính của Công ty tại: 649A, Quốc Lộ 91, KV Qui Thạnh 1, Phường Thuận Hưng,
Tổng số nhân viên tại ngày 31/12/2025 : 54 người.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh**
Sản xuất, thương mại.
- 3. Ngành nghề kinh doanh**
Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:
- Bán buôn thực phẩm : Chi tiết : Kinh doanh lương thực, thực phẩm, thủy sản;
- Bán buôn gạo. Chi tiết : Kinh doanh sản xuất gạo;
- Trồng lúa. Chi tiết : Trồng lúa theo mùa vụ
- 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:** 12 tháng
- 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**
Không có
- 6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An Kiên Giang	Tổ 9, Ấp Đường Théc, Xã Bình Giang, Tỉnh An Giang	67,14%	90,80%	67,14%	90,80%
Công ty TNHH MTV Xuất khẩu Gạo Trung An	Đường Nguyễn Trọng Quyền, KV Phụng Thạnh 2, Phường Thuận Hưng, Thành phố Cần Thơ	0,00%	100,00%	0,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Bất động sản Trung An	Khu vực 7, Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ	0,00%	100,00%	0,00%	100,00%
Công ty liên kết:					
Công ty TNHH Novotech - Trung Hưng	648A, Quốc lộ 91, Phường Thuận Hưng, Thành phố Cần Thơ	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Sản xuất Chế biến Kinh doanh Xuất khẩu Gạo Việt Đức	647A, Quốc lộ 91, KV.Qui Thạnh 1, Phường Thuận Hưng, Thành phố Cần Thơ	39,00%	39,00%	39,00%	39,00%

Cơ sở đồng kiểm soát: không có

- Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:**
- | | |
|--|--|
| Tên | Địa chỉ |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An | 532/21 Lê Văn Thọ, Phường An Hội Đông, TP Hồ Chí Minh |
| Nhà máy chế biến xuất khẩu số 4 | KV Trảng Thợ 2, Phường Trung Nhứt, Thành phố Cần Thơ |
| Nhà máy xay lúa và chế biến xuất khẩu số 3 | KV Thạnh Phước, Phường Trung Nhứt, Thành phố Cần Thơ |
| Nhà máy chế biến xuất khẩu số 5 | KV Qui Thạnh 1, Phường Thuận Hưng, Thành phố Cần Thơ |
| Nhà máy chế biến gạo số 6 | Đường 921, Ấp Phước Lộc, Xã Thạnh Phú, Thành phố Cần Thơ |

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Kỳ kế toán**
Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

- 1. Chế độ kế toán**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- 2. Tiền và các khoản tương đương tiền**
Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.
- 3. Các khoản đầu tư tài chính**
Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...
- Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**
Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tiền thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản (nếu có).
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 12	năm

7. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

- Máy móc, thiết bị	25 năm
---------------------	--------

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo thời hạn thuê đất (Từ 44 - 46 năm).

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

11. Nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

12. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của cổ đông Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá và thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

20. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

21. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:

+ Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

+ Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

24. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

26. Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:

+ Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;

+ Lợi ích của cổ đông không kiểm soát;

+ Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;

+ Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm:

+ Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;

+ Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;

+ Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;

+ Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN

129

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.591.418.986	1.205.599.560
- Tiền gửi ngân hàng	436.366.132	420.257.643
+ Tiền gửi (VND)	345.578.916	291.911.860
+ Tiền gửi (USD)	44.925.549	90.432.999
+ Tiền gửi (EUR)	42.978.940	37.912.784
+ Tiền gửi (AUD)	2.882.727	
- Tiền đang chuyển		
- Các khoản tương đương tiền		
Cộng	2.027.785.118	1.625.857.203

2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	331.737.523.630	80.531.667.821
Công ty Cổ phần Chế Biến Thực phẩm An Điền	128.361.100.000	11.742.400.000
Mivi Foods	7.188.209.438	11.321.593.357
Công ty Cổ Phần Xây dựng Thương mại Đại Thành Phú	10.092.400.000	10.092.400.000
Công ty TNHH Nông nghiệp hữu cơ Việt Hà		10.475.000.000
AT (Korea Agro - Fisher and Food Trade Corporation)	12.525.686.503	12.129.051.768
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại An Thờ	154.123.570.000	12.028.750.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Golden Rice	4.266.200.000	5.453.000.000
Các đối tượng khác	15.180.357.689	7.289.472.696
Cộng	331.737.523.630	80.531.667.821

3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
3.1. Ngắn hạn	413.248.792.805	785.626.134.295
Công ty Cổ phần Thực phẩm Golden Rice	189.850.091.578	385.891.698.867
Công ty TNHH MTV TM CB NS Huỳnh Loan	223.182.603.899	399.669.737.780
Các đối tượng khác	216.097.328	64.697.648
3.2. Trả trước cho người bán là các bên liên quan	321.984.070.000	321.984.070.000
Ông Phạm Thái Bình (*)	321.984.070.000	321.984.070.000
Cộng	735.232.862.805	1.107.610.204.295

(*) Ghi chú :

Trả trước giao dịch tài sản theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/2024/TAR/NQ-HĐQT ngày 04/06/2024 và 2 hợp đồng nguyên tắc Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/06/2024. Đến ngày 31/12/2025 Công ty đã thanh toán toàn bộ số tiền chuyển nhượng cho ông Phạm Thái Bình theo 2 hợp đồng trên (321.984.070.000 đồng) và hiện đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục pháp lý.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	14.217.679.000	539.915.756	14.757.594.756	14.757.594.756
Công ty TNHH Novotech - Trung Hưng	9.352.000.000	709.068.143	10.061.068.143	10.061.068.143
Công ty TNHH Sản xuất Chế biến Kinh doanh Xuất khẩu Gạo Việt Đức	4.865.679.000	(169.152.387)	4.696.526.613	4.696.526.613
Cộng	14.217.679.000	539.915.756	14.757.594.756	14.757.594.756

41-61-1

Ghi chú :



	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	10.092.400.000		10.092.400.000	2.523.100.000
<u>Chi tiết:</u>				
+ Phải thu khách hàng	10.092.400.000		10.092.400.000	2.523.100.000
Cộng	10.092.400.000		10.092.400.000	2.523.100.000

7 HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường				
- Nguyên liệu, vật liệu	206.358.390.098		240.477.319.922	
- Công cụ, dụng cụ	1.874.953.472		2.323.118.727	
- Chi phí SXKD dở dang	14.092.044.823		7.355.594.438	
- Thành phẩm	6.371.424.732		6.033.107.788	
- Hàng hóa	6.170.572.229		1.723.030.650	
- Hàng hóa gửi bán			321.590.899	
Cộng	234.867.385.354		258.233.762.424	

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: không có

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2025: 213.247.056.833 đồng

8 . TÀI SẢN DỮ DANG DÀI HẠN



9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	529.880.164.370	203.829.657.825	26.574.226.191			760.284.048.386
Số tăng trong năm		25.705.949.352				25.705.949.352
- Mua trong năm		1.629.027.273				1.629.027.273
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác		24.076.922.079				24.076.922.079
Số giảm trong năm			855.500.000			855.500.000
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán			855.500.000			855.500.000
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	529.880.164.370	229.535.607.177	25.718.726.191			785.134.497.738
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	118.840.258.184	149.822.604.603	9.847.151.469			278.510.014.256
Số tăng trong năm	23.326.537.128	18.466.199.267	3.031.364.940			44.824.101.335
- Khấu hao trong năm	23.326.537.128	13.722.819.347	3.031.364.940			40.080.721.415
- Tăng khác		4.743.379.920				4.743.379.920
Số giảm trong năm			546.569.423			546.569.423
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán			546.569.423			546.569.423
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	142.166.795.312	168.288.803.870	12.331.946.986			322.787.546.168
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	411.039.906.186	54.007.053.222	16.727.074.722			481.774.034.130
Tại ngày cuối năm	387.713.369.058	61.246.803.307	13.386.779.205			462.346.951.570

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay VND 72.259.884.192
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng VND 110.287.147.770
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý VND -

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN
649A, Quốc Lộ 91, KV Qui Thạnh 1, Phường Thuận Hưng, TP Cần Thơ

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Giấy phép và Giấy phép nhượng quyền	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	89.913.489.381					89.913.489.381
Số tăng trong năm						
- Mua trong năm						
- Tạo ra từ nội bộ						
- Tăng do hợp nhất kinh doanh						
- Tăng khác						
Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	89.913.489.381					89.913.489.381
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	10.616.032.376					10.616.032.376
Số tăng trong năm	1.448.140.932					1.448.140.932
- Khấu hao trong năm	1.448.140.932					1.448.140.932
- Tăng khác						
Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	12.064.173.308					12.064.173.308
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	79.297.457.005					79.297.457.005
Tại ngày cuối năm	77.849.316.073					77.849.316.073

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: VND 77.849.316.073
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: VND -

11 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ thuế tài chính khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm		23.716.899.544				23.716.899.544
Số tăng trong năm						
- Thuế tài chính trong năm						
- Tăng khác						
Số giảm trong năm						
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính						
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính		23.716.899.544				
- Giảm khác						
Số dư cuối năm		0				0
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm		3.794.703.936				3.794.703.936
Số tăng trong năm		948.675.984				948.675.984
- Khấu hao trong năm		948.675.984				948.675.984
- Tăng khác						
Số giảm trong năm						
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính						
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính		4.743.379.920				
- Giảm khác						
Số dư cuối năm		0				0
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm		19.922.195.608				19.922.195.608
Tại ngày cuối năm		0				0
Ghi chú:						
- Tiền thuế phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm						: không
- Căn cứ để xác định tiền thuế phát sinh thêm						: không
- Điều khoản gia hạn thuế hoặc quyền được quyền mua tài sản						: không

12 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

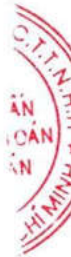
12.1. Ngắn hạn

Ngân hàng	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh	434.994.436.500	434.994.436.500	1.248.812.949.834	813.818.513.334		
Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - CN ĐBSCL	587.771.140.905	587.771.140.905	153.840.000.000	142.912.507.119	576.843.648.024	576.843.648.024
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Cần Thơ			203.809.000.000	503.807.568.080	299.998.568.080	299.998.568.080
Ngân hàng First Commercial Bank - CN TP HCM				334.045.546.333	334.045.546.333	334.045.546.333
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Cần Thơ	110.000.000.000	110.000.000.000	220.000.000.000	160.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Cần Thơ	23.810.000.000	23.810.000.000	58.336.046.191	71.503.593.683	36.977.547.492	36.977.547.492
Cộng	1.156.575.577.405	1.156.575.577.405	1.884.797.996.025	2.026.087.728.549	1.297.865.309.929	1.297.865.309.929

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số/ngày của hợp đồng vay		Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số cuối năm	Hình thức đảm bảo khoản vay
Hợp đồng số 1700-LAV-202500154 ngày 01/04/2025, hạn mức cấp tín dụng : 435.000.000.000 đồng		Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng	Lãi suất theo từng lần nhận nợ	434.994.436.500	QSDĐ hàng hóa luân chuyển của Công ty.
Hợp đồng số 1700-LAV-202500263 ngày 20/05/2025, hạn mức cấp tín dụng : 100.000.000.000 đồng						
Hợp đồng số 001/2024/7613578/HĐTD ngày 10/12/2024; Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 001-01/2024/7613578/HĐTD ngày 23/01/2025.		Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - CN ĐBSCL	Đến 31/10/2025	Theo từng giấy nhận nợ	587.771.140.905	MMTB của công ty; QSDĐ và Tài sản trên đất của Công ty QSDĐ của bên thứ 3

Số/ngày của hợp đồng vay	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số cuối năm	Hình thức đảm bảo khoản vay
Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 202427965462 ngày 27/12/2024 và thỏa thuận sửa đổi số 202427965462-01 ngày 28/03/2025, hạn mức tín dụng là 110 tỷ đồng	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Cần Thơ	1 năm	Theo từng lần vay	110.000.000.000	Quyền sử dụng đất của Công ty
Hợp đồng cho vay số CLC-29641-01 ngày 28/10/2024. Hạn mức 40 tỷ đồng.	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Cần Thơ	12 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	23.797.783.294	Quyền sử dụng đất và máy móc thiết bị của Công ty
Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản không tài sản đảm bảo số ThauchionlineSME-12160482 ngày 07/11/2024. Hạn mức thấu chi 1,5 tỷ đồng	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Cần Thơ	12 tháng	16% / năm	12.216.706	
Cộng				1.156.575.577.405	
12.2. Dài hạn					
Ngân hàng	Số cuối năm	Phát sinh		Số đầu năm	Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị	
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease			4.174.174.318	4.174.174.318	4.174.174.318
Cộng			4.174.174.318	4.174.174.318	4.174.174.318
12.3. Các khoản nợ thuế tài chính					
Thời hạn	Năm nay		Tổng	Trả tiền nợ gốc	Trả nợ gốc
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính				
Từ 1 năm trở xuống	4.347.315.591				
Trên 1 năm đến dưới 5 năm	173.141.273	4.174.174.318	5.221.007.962	1.046.833.642	4.174.174.320
(Hợp đồng số B2008340C2 - 2 Thiết bị điện năng lượng mặt trời)					
Trên 5 năm					
12.4. Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán : không có					
12.5. Các khoản vay và thuế tài chính đối với các bên liên quan : không có					



13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC			Số cuối năm	Số đầu năm
13.1. Ngắn hạn				
- Chi phí sửa chữa				23.387.545
- CCDC xuất dùng			46.372.850	207.005.977
- Bảo hiểm tài sản			93.662.237	38.314.008
- Chi phí khác			161.293.014	90.489.696
Cộng			301.328.101	359.197.226
13.2. Dài hạn				
- CCDC xuất dùng			756.998.380	438.706.262
- Chi phí sửa chữa lớn			823.980.077	1.632.472.746
- Bảo hiểm tài sản			294.384.810	531.936.114
- Chi phí khác			126.471.782	93.894.451
Cộng			2.001.835.049	2.697.009.573
14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN			Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Tiếp vận Phước Tạo	307.742.340	307.742.340	484.940.580	484.940.580
Công ty TNHH Bao bì Quốc tế Thuận Xương			278.581.032	278.581.032
Công ty TNHH Vật tư Nông nghiệp Hưng Thạnh	708.000.000	708.000.000	3.303.640.000	3.303.640.000
Công ty Cổ phần Phân bón Ánh Dương	2.448.074.999	2.448.074.999		
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Thiên Phúc	1.052.900.000	1.052.900.000		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Duy Sang	576.120.000	576.120.000		
Các đối tượng khác	4.422.583.108	4.422.583.108	4.047.346.806	4.047.346.806
Cộng	9.515.420.447	9.515.420.447	8.114.508.418	8.114.508.418
15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC			Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Golden Rice	47.708.947.500	47.708.947.500	49.961.120.000	49.961.120.000
Công ty TNHH MTV TM CB NS Huỳnh Loan			45.205.200.000	45.205.200.000
Công ty Cổ Phần Chế biến Thực Phẩm An Điền	5.663.000.000	5.663.000.000		
Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại An Thơ	9.829.500.000	9.829.500.000		
Các đối tượng khác	1.045.526.977	1.045.526.977	5.630.934.417	5.630.934.417
Cộng	64.246.974.477	64.246.974.477	100.797.254.417	100.797.254.417



16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
16.1. Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.856.356.824	7.698.200.881	6.898.512.498	6.656.045.207
Thuế môn bài		7.000.000	7.000.000	
Thuế khác		3.239.292	3.239.292	
Cộng	5.856.356.824	7.708.440.173	6.908.751.790	6.656.045.207
16.2. Thuế và các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	24.367.756	1.950.381	1.950.381	24.367.756
Cộng	24.367.756	1.950.381	1.950.381	24.367.756

Ghi chú: Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Trích trước chi phí lãi vay	9.325.167.631	2.968.239.614
- Chi phí trích trước khác		339.859.929
Cộng	9.325.167.631	3.308.099.543

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết		224.296.286
- Kinh phí công đoàn	287.959.216	
- BHXH, BHYT, BHTN	277.770.303	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		238.196
Cộng	565.729.519	224.534.482

19 . VON CHU SO HUU

19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	783.197.770.000	200.000.000.000			166.844.837.368	28.370.478.788	1.178.413.086.156
- Tăng vốn trong năm trước							79.000.000.000
- Lãi trong năm trước							(7.203.000.000)
- Tăng khác					(57.869.104.449)	(277.818.843)	(58.146.923.292)
- Phân phối lợi nhuận							
- Lỗ trong năm trước							
- Giảm khác							
Số dư đầu năm nay	783.197.770.000	200.000.000.000			108.975.732.919	99.889.659.945	1.192.063.162.864
- Tăng vốn trong năm nay							1.156.002.156
- Lãi trong năm nay							
- Tăng khác							
- Phân phối lợi nhuận							
- Lỗ trong năm nay							(25.720.334.838)
- Giảm khác							
Số dư cuối năm nay	783.197.770.000	200.000.000.000			83.255.398.081	101.045.662.101	1.167.498.830.182

19.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm
Vốn góp của Công ty mẹ				
Vốn góp của các đối tượng khác (*)	100%	783.197.770.000	100%	783.197.770.000
Cộng		783.197.770.000		783.197.770.000

(*) Ghi chú :

- Ông Phạm Thái Bình	14,04%	110.000.000.000	14,04%	110.000.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	85,96%	673.197.770.000	85,96%	673.197.770.000

Cộng		783.197.770.000		783.197.770.000
-------------	--	------------------------	--	------------------------

- Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có

- Số lượng cổ phiếu quỹ : không có

19.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	783.197.770.000	783.197.770.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	783.197.770.000	783.197.770.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chi		(7.203.000.000)

19.4. Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	78.319.777	78.319.777
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	78.319.777	78.319.777
+ Cổ phiếu phổ thông	78.319.777	78.319.777
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	78.319.777	78.319.777
+ Cổ phiếu phổ thông	78.319.777	78.319.777
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

19.5. Cổ tức	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

19.6. Các quỹ của doanh nghiệp	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển		
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	1.721,98	2.552,34
- EUR	1.409,10	1.450,75
- AUD	166,42	

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu		
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	2.373.276.953.889	4.228.871.204.249
- Doanh thu kinh doanh bất động sản		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.706.805.455	6.784.512.384
Cộng	2.385.983.759.344	4.235.655.716.633

2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán		17.424.500
- Hàng bán bị trả lại		
Cộng		17.424.500

3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	2.268.254.459.132	4.115.403.474.182
- Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	14.745.350.658	6.888.080.926
Cộng	2.282.999.809.790	4.122.291.555.108

4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.692.967	3.197.305.709
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.214.953.871	8.988.243.375
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	5.220.646.838	12.185.549.084

5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	85.744.093.465	128.880.902.122
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	516.090.439	3.221.412.014
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	447.021.462	788.112.618
- Lỗ bán các khoản đầu tư	2.400.000	
Cộng	86.709.605.366	132.890.426.754

6 . THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ (Bồi thường đất)	25.614.878	11.068.477.937
- Nhận hỗ trợ thử nghiệm, thưởng	378.686.965	
- Hỗ trợ vận chuyển, bao bì	6.036.163.245	7.237.523.945
- Chi phí thừa của lô hàng xuất, bảo hiểm hàng hoá		554.318.800
- Thu tiền khen thưởng TRVC	113.338.378	
- Các khoản khác	943.544.635	622.045.233
Cộng	7.497.348.101	19.482.365.915

7 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý TSCĐ ,CCDC	258.800.994	514.685.731
- Các khoản tiền nộp phạt kể cả vi phạm hành chính	235.250.611	
- Chi phí thưởng TRVC		120.585.170
- Thuế nhà thầu		10.000.000
- Hỗ trợ học bổng và ủng hộ	243.896.540	478.951.640
- Hỗ trợ vận chuyển	128.055.630	501.162.260
- Các khoản khác		
Cộng	866.003.775	1.625.384.801

8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
8.1. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nguyên, vật liệu	301.267.449	
- Chi phí công cụ, dụng cụ	5.690.224.515	7.849.204.766
- Chi phí nhân công	772.956.198	711.765.168
- Chi phí khấu hao	393.956.820	393.956.820
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.398.716.408	17.103.784.351
- Chi phí khác bằng tiền		324.989.008
Cộng	23.557.121.390	26.383.700.113

8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nguyên, vật liệu	80.751.869	
- Chi phí công cụ, dụng cụ	1.500.209.710	256.682.224
- Chi phí nhân công	9.944.726.933	10.190.578.052
- Chi phí khấu hao	3.839.264.748	3.762.937.911
- Thuế, phí, lệ phí	36.311.830	80.216.388
- Chi phí dự phòng	2.523.100.000	7.569.300.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.222.069.085	8.442.275.650
- Phân bổ lợi thế thương mại		1.195.442.484
- Chi phí khác bằng tiền	267.742.075	19.304.000
Cộng	21.414.176.250	31.516.736.709

9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.377.609.067.330	1.173.884.776.666
- Chi phí công cụ, dụng cụ	9.383.111.621	8.105.886.990
- Chi phí nhân công	19.420.074.419	15.582.203.790
- Chi phí khấu hao TSCĐ	42.477.538.331	43.669.181.990
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	8.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.612.242.299	33.115.360.001
- Chi phí khác bằng tiền	301.620.405	419.727.907
Cộng	1.477.806.654.405	1.274.785.137.344

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm nay	7.698.200.881	6.898.512.498
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		3.577.146.007
Cộng	7.698.200.881	10.475.658.505

11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhận kế toán sau thuế TNDN	(25.720.334.838)	(57.869.104.449)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(25.720.334.838)	(57.869.104.449)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	78.319.777	78.319.777
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(328)	(739)

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

- 1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai
Trong năm 2025, Công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- 2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng
Trong năm 2025, Công ty không phát sinh các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.
- 3 . Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.884.797.996.025
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	
- 4 . Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm

	Năm nay
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	2.026.087.728.549
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN

145

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Thông tin về Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo các đơn vị dịch vụ và lĩnh vực kinh doanh :

Khoản mục	Bán thành phẩm, hàng hoá	Cung cấp dịch vụ và hoạt động khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	2.373.276.953.889	12.706.805.455	2.385.983.759.344
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.373.276.953.889	12.706.805.455	2.385.983.759.344
Giá vốn	2.268.254.459.132	14.745.350.658	2.282.999.809.790
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	2.268.254.459.132	14.745.350.658	2.282.999.809.790
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	105.022.494.757	(2.038.545.203)	102.983.949.554
Doanh thu hoạt động tài chính			5.220.646.838
Chi phí tài chính			86.709.605.366
Phần lãi / (lỗ) trong công ty liên kết			(21.169.513)
Chi phí bán hàng			23.557.121.390
Chi phí quản lý doanh nghiệp			21.414.176.250
Thu nhập khác			7.497.348.101
Chi phí khác			866.003.775
Chi phí thuế TNDN hiện hành			7.698.200.881
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
Tổng lợi nhuận sau thuế			(24.564.332.682)
Tổng chi phí mua tài sản			
Tài sản bộ phận			
Tài sản bộ phận phân bổ			2.401.392.746.293
Tài sản không phân bổ			14.757.594.756
Tổng tài sản			2.416.150.341.049
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp			
Nợ phải trả bộ phận phân bổ			92.075.933.462
Nợ phải trả không phân bổ			1.156.575.577.405
Tổng cộng nợ			1.248.651.510.867

2 . Thông tin về các bên liên quan

2.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt:

Chi phí của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Tiền lương	Năm nay
Bà Phạm Lê Khánh Hân	192.000.000
Ông Phạm Thái Bình	120.000.000
Bà Nguyễn Lê Bảo Trang	195.000.000
Bà Phạm Lê Khánh Huyền	174.000.000
Ông Nguyễn Văn Đức	100.000.000
Cộng	781.000.000

Giao dịch khác : không phát sinh

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt như sau

Bên liên quan	Nội dung	Số dư
Ông Phạm Thái Bình	Trả trước cho người bán	321.984.070.000

2.2. Giao dịch với các bên liên quan cá nhân khác : không phát sinh

2.3. Giao dịch với các bên liên quan là tổ chức : không phát sinh

3 . Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

4 . Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc

PHẠM TRẦN THÙY AN

PHẠM LÊ KHÁNH HUYỀN

NGUYỄN LÊ BẢO TRANG



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG
NGHỆ CAO TRUNG AN
DN: C=VN, S=CẦN THƠ, L=Quận
Thốt nốt, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ
CAO TRUNG AN,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=M
ST:1800241736
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location here
Date: 2026-04-17 15:09:09
Foxit PhantomPDF Version: 10.0.0

TP.Cần Thơ, ngày 17, tháng 04, năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN LÊ BẢO TRANG



649A, Quốc Lộ 91, KV Qui Thạnh 1, Phường Thuận Hưng, TP Cần Thơ



02923 857 336



sales@trunganrice.com



www.trunganrice.com